

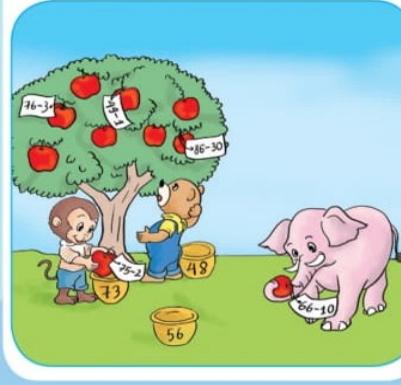
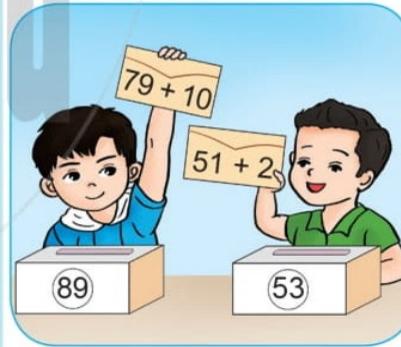


ĐỖ ĐỨC THÁI (Tổng Chủ biên) – ĐỖ TIẾN ĐẠT (Chủ biên)  
NGUYỄN HOÀI ANH – TRẦN THÚY NGÀ – NGUYỄN THỊ THANH SƠN

## VỞ BÀI TẬP

# Toán 1

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỖ ĐỨC THÁI (Tổng Chủ biên) – ĐỖ TIẾN ĐẠT (Chủ biên)  
NGUYỄN HOÀI ANH – TRẦN THUÝ NGÀ – NGUYỄN THỊ THANH SƠN

# VỞ BÀI TẬP

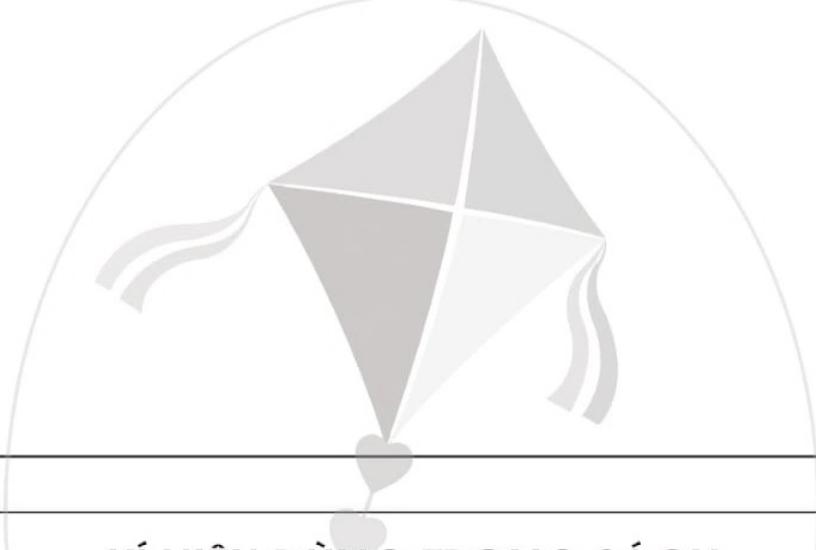
# Toán 1

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ nhất)

# Cánh Diều

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



## KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH

Số

? Viết số thích hợp vào trong ô

>  
<  
=

? Viết dấu (>, <, =) thích hợp vào trong ô



Bài tập luyện tập, thực hành



Bài tập vận dụng

# HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VỞ BÀI TẬP TOÁN 1

**Vở bài tập Toán 1** (gồm 2 tập) là cuốn sách đi cùng với sách giáo khoa Toán 1 (Tổng Chủ biên - GS.TSKH Đỗ Đức Thái và Chủ biên - PGS.TS Đỗ Tiến Đạt), được biên soạn nhằm: Đáp ứng nhu cầu thiết thực của dạy học môn Toán lớp 1; Giúp các em học sinh lớp 1 và các thầy cô giáo thuận lợi hơn trong tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng tăng cường khả năng hoạt động độc lập, tự học có hướng dẫn, tạo cơ hội hình thành và phát triển năng lực học tập môn Toán cho học sinh.

Khi sử dụng **Vở bài tập Toán 1** cần chú ý một số điểm sau:

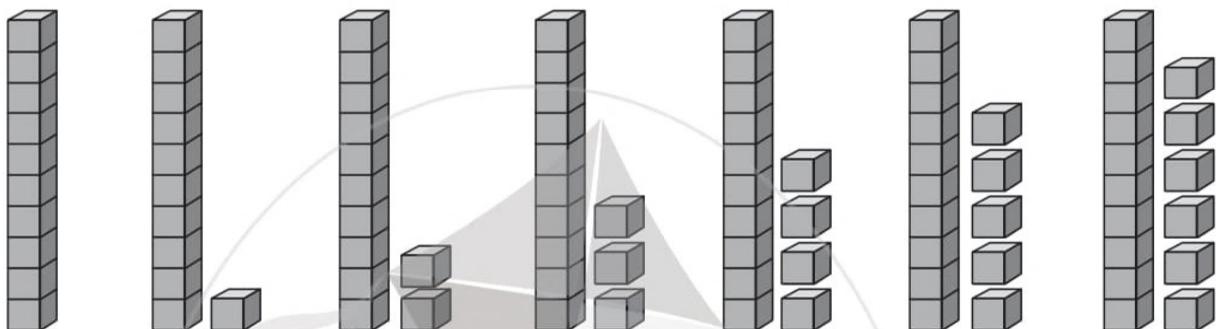
1. **Vở bài tập Toán 1** gồm các bài tập/hoạt động thực hành tương tự như các bài tập/hoạt động thực hành trong sách giáo khoa Toán 1, nhưng được trình bày để tạo điều kiện cho học sinh trực tiếp ghi lại bài làm hoặc trình bày sản phẩm của cá nhân. Trong các tiết học toán, thầy cô giáo có thể hướng dẫn học sinh làm bài ở vở này thay cho làm các bài tập trong sách giáo khoa Toán 1. Học sinh cũng có thể sử dụng vở bài tập này khi tự học hoặc ôn tập.
2. Sau mỗi chủ đề, **Vở bài tập Toán 1** có giới thiệu các bài kiểm tra, tạo điều kiện để học sinh tự đánh giá và giúp các thầy cô giáo, cha mẹ học sinh đánh giá sự tiến bộ của học sinh.
3. Trong cùng một buổi học không nên yêu cầu học sinh vừa làm bài tập trong sách giáo khoa vừa làm các bài tập cùng dạng trong vở bài tập này, tránh gây nặng nề không cần thiết.

**Các tác giả**

# Bài 39 CÁC SỐ 11, 12, 13, 14, 15, 16

1

Số ?



10

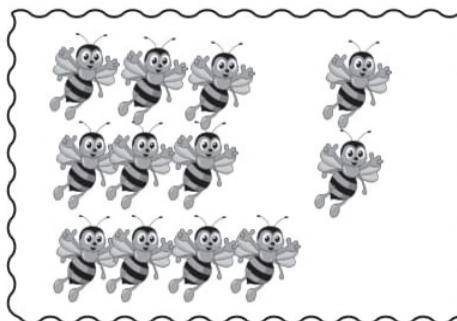
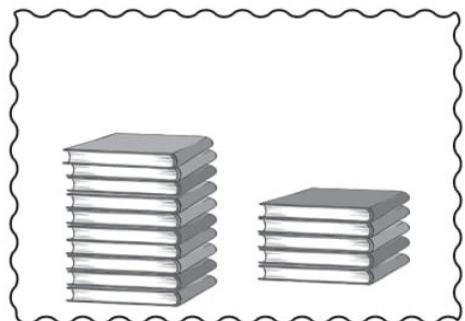
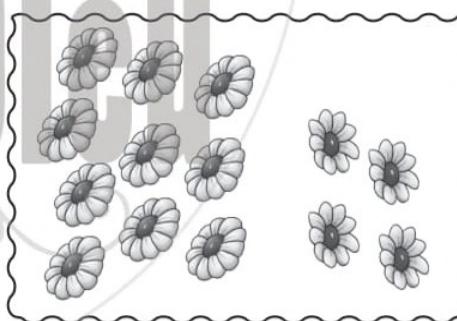
11

12

13

2

Số ?

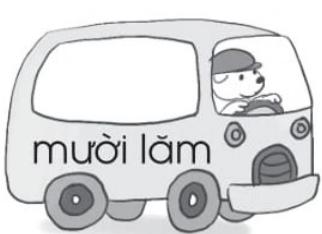


3

Số ?



mười hai



mười lăm



mười sáu



mười một



mười bốn



mười ba



4

Số ?

11

13

16

16

14

5

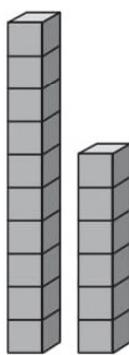
Xem tranh rồi đếm số bánh mỗi loại:



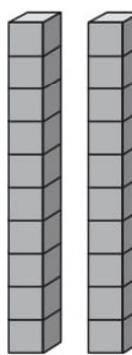
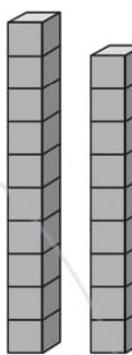
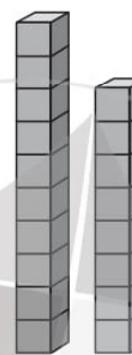
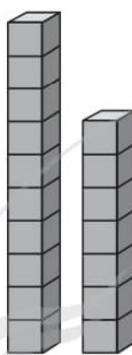
# Bài 40 CÁC SỐ 17, 18, 19, 20

1

Số ?

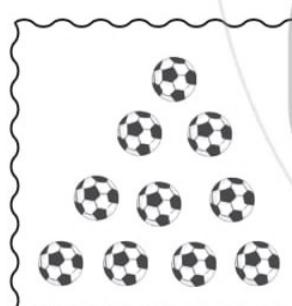


16

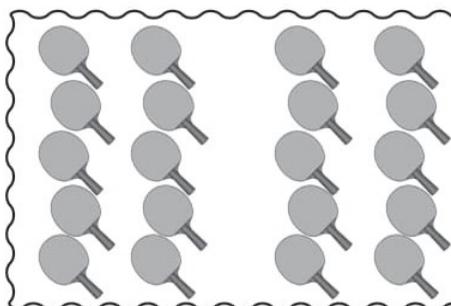
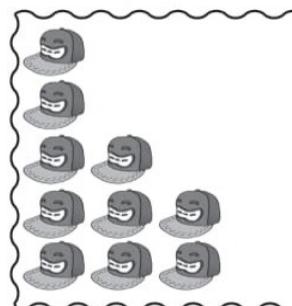
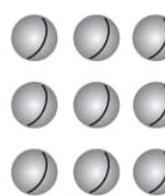


2

Số ?

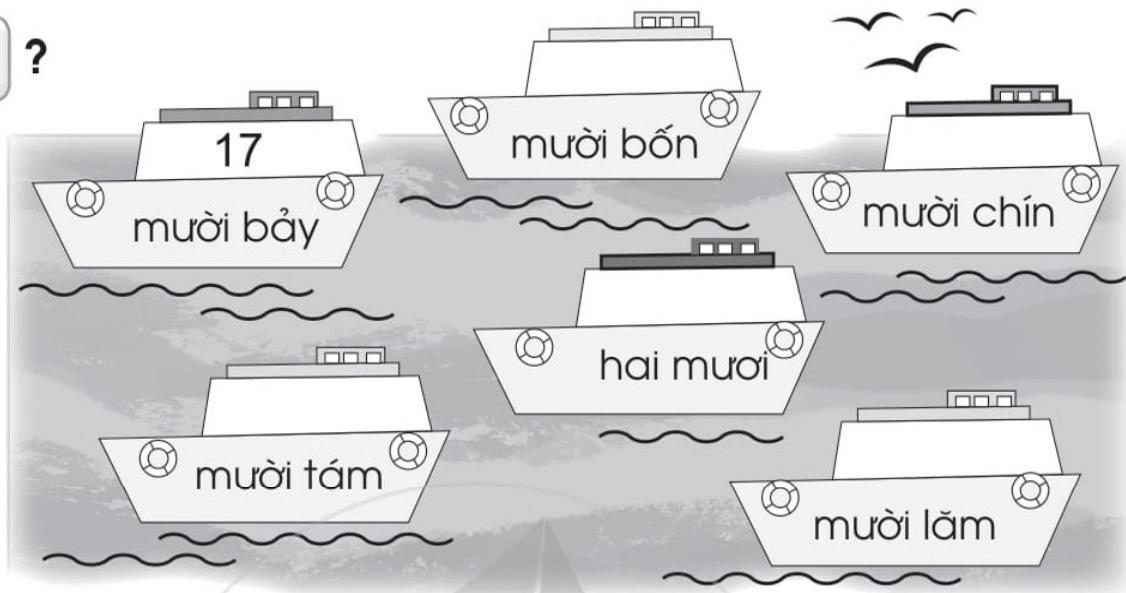


Cánh Diều



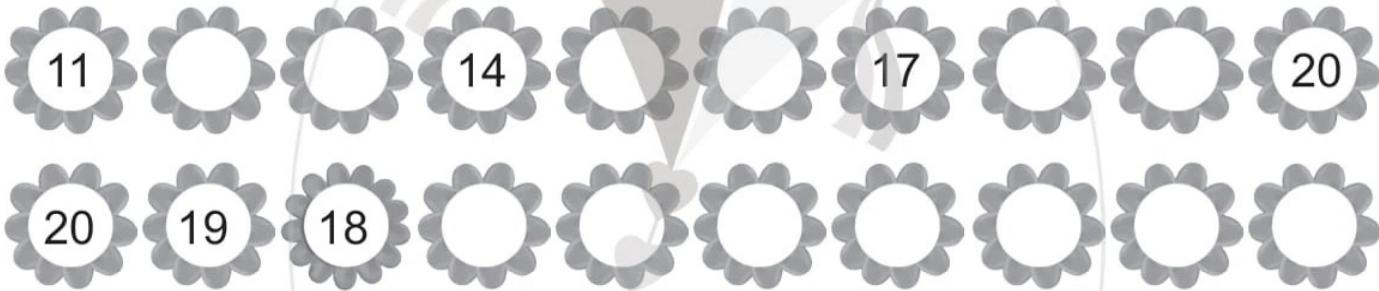
3

Số ?



4

Số ?



5

Xem tranh rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Có tất cả ..... bạn.

b) Có ..... bạn nam.



# Bài 41 LUYỆN TẬP

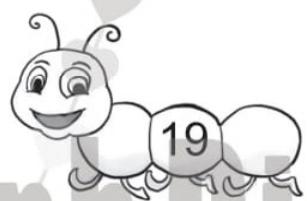
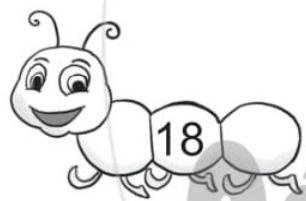
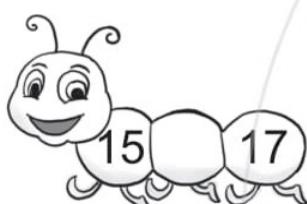
1

Số ?

1	2		4		6		8		10
	12	13		15		17		19	

2

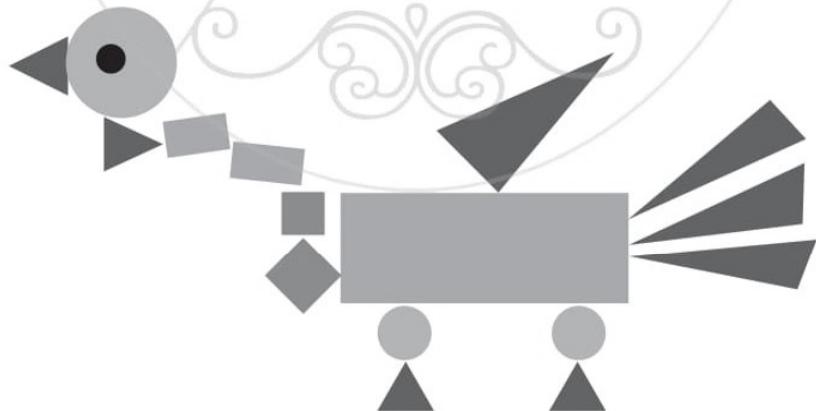
Số ?



10, 11, 12

3

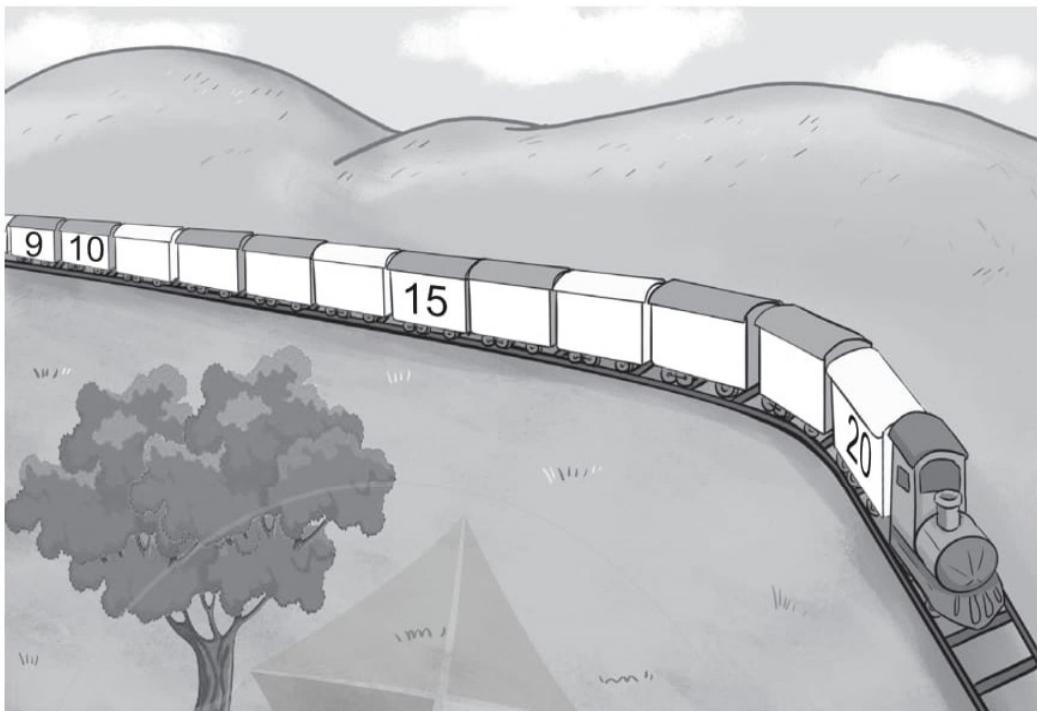
Xem hình vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



Hình trên có: ..... hình vuông, ..... hình tròn, ..... hình tam giác, ..... hình chữ nhật. Có tất cả ..... hình.

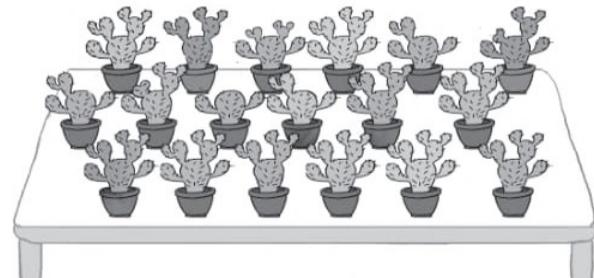
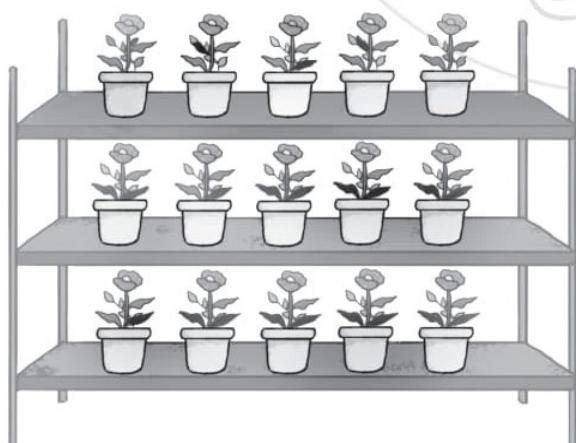
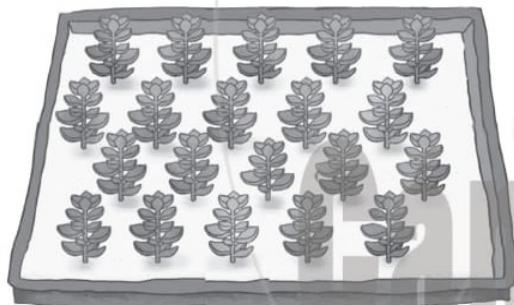
4

Số ?



5

Đếm rồi viết số cây mỗi loại vào ô trống:



# Bài 42 CÁC SỐ 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90

1

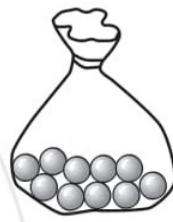
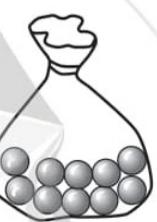
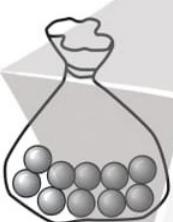
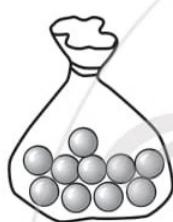
Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a)



Có tất cả ..... hạt.

b)



Có tất cả ..... viên kẹo.

2

Số ?



3

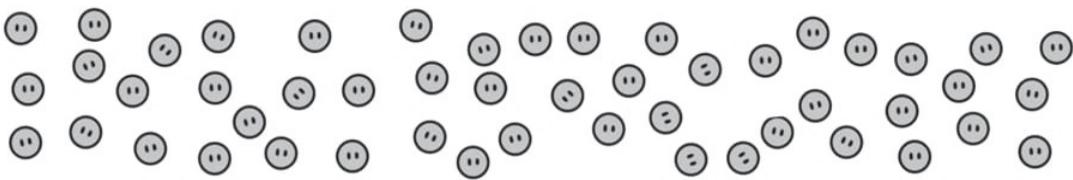
Khoanh vào từng nhóm 10 đồ vật rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a)



Có tất cả ..... viên sỏi.

b)



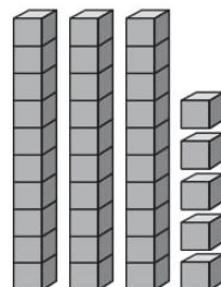
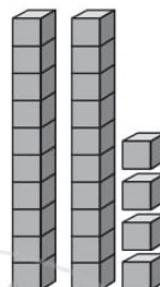
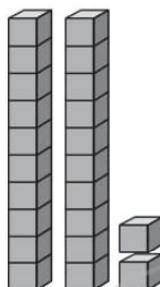
Có tất cả ..... cúc áo.

# Bài 43

# CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (TỪ 21 ĐẾN 40)

1

Số ?



2

Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu):

a) Hai mươi: 20

Hai mươi mốt: .....

Hai mươi hai: .....

Hai mươi ba: .....

Hai mươi tư: .....

Hai mươi lăm: .....

b) Ba mươi: .....

Ba mươi mốt: .....

Ba mươi hai: .....

Ba mươi ba: .....

Ba mươi tư: .....

Ba mươi lăm: .....

Hai mươi sáu: .....

Hai mươi bảy: .....

Hai mươi tám: .....

Hai mươi chín: .....

Ba mươi: .....

Ba mươi sáu: .....

Ba mươi bảy: .....

Ba mươi tám: .....

Ba mươi chín: .....

Bốn mươi: .....

3

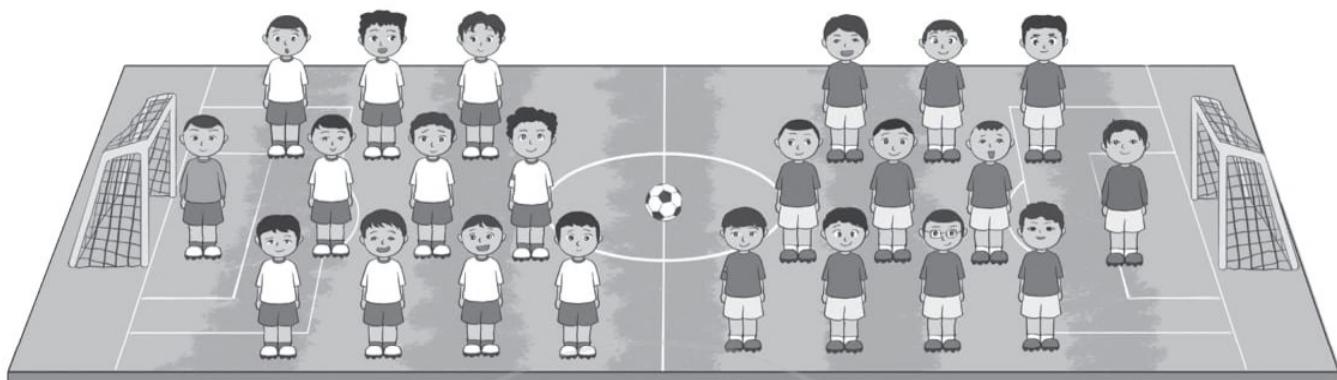
Viết các số còn thiếu vào ô trống rồi đọc các số đó:



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22		25		27		29		
31		34							40

4

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:



Có tất cả .... cầu thủ.

5

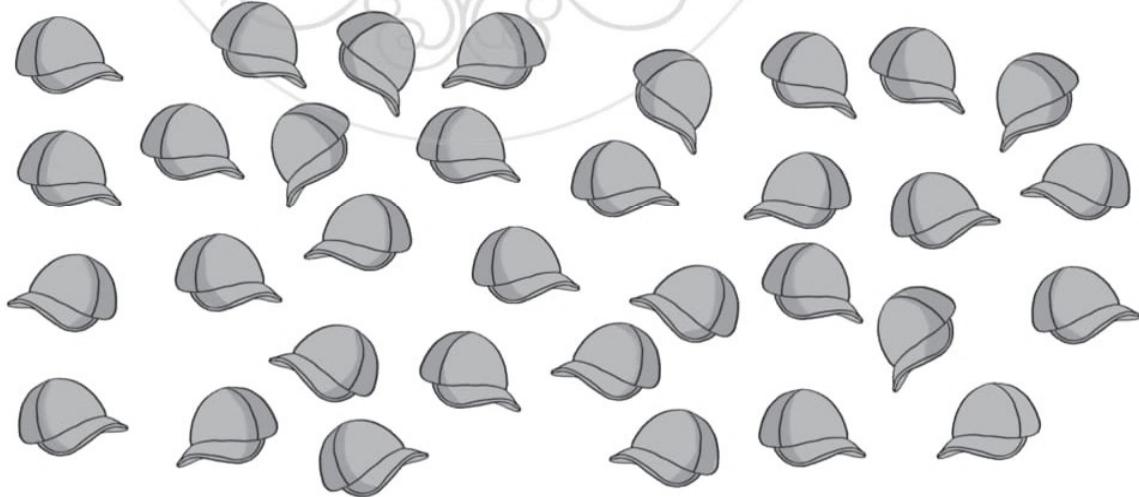
Khoanh vào từng nhóm 10 đồ vật rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a)



Có tất cả .... chiếc nơ.

b)



Có tất cả .... chiếc mũ.

## Bài 44 CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (TỪ 41 ĐẾN 70)

1

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Bốn mươi: .....

Bốn mươi mốt: .....

Bốn mươi hai: .....

Bốn mươi ba: .....

Bốn mươi tư: .....

Bốn mươi lăm: .....

b) Năm mươi: .....

Năm mươi mốt: .....

Năm mươi hai: .....

Năm mươi ba: .....

Năm mươi tư: .....

Năm mươi lăm: .....

c) Sáu mươi: .....

Sáu mươi mốt: .....

Sáu mươi hai: .....

Sáu mươi ba: .....

Sáu mươi tư: .....

Sáu mươi lăm: .....

Bốn mươi sáu: .....

Bốn mươi bảy: .....

Bốn mươi tám: .....

Bốn mươi chín: .....

Năm mươi: .....

Năm mươi sáu: .....

Năm mươi bảy: .....

Năm mươi tám: .....

Năm mươi chín: .....

Sáu mươi: .....

Sáu mươi sáu: .....

Sáu mươi bảy: .....

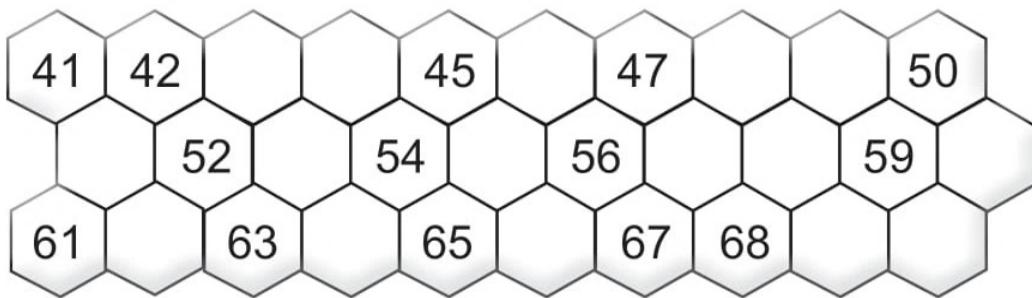
Sáu mươi tám: .....

Sáu mươi chín: .....

Bảy mươi: .....

2

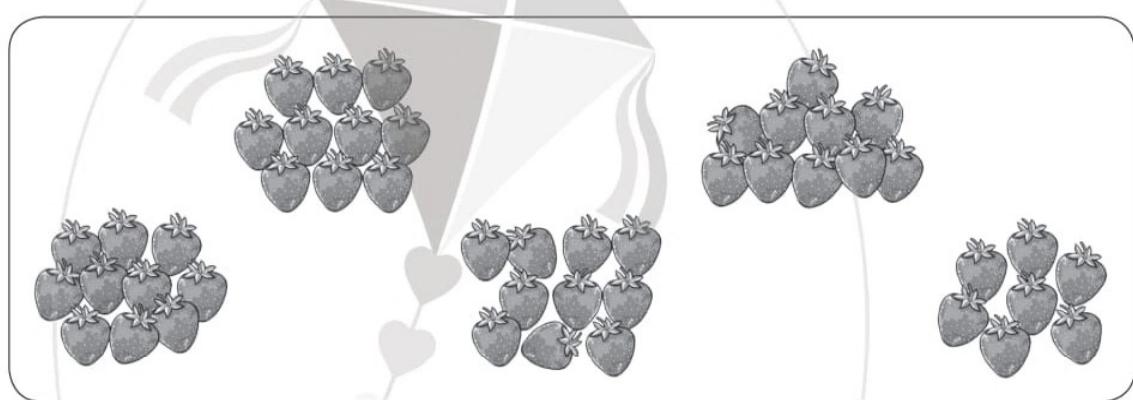
Viết các số còn thiếu vào ô trống rồi đọc các số đó:



3

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a)



Có tất cả .... quả dâu tây.

b)



Có tất cả .... viên ngọc trai.

# Bài 45 CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (TỪ 71 ĐẾN 99)

1

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Bảy mươi: .....

Bảy mươi mốt: .....

Bảy mươi hai: .....

Bảy mươi ba: .....

Bảy mươi tư: .....

Bảy mươi lăm: .....

b) Tám mươi: .....

Tám mươi mốt: .....

Tám mươi hai: .....

Tám mươi ba: .....

Tám mươi tư: .....

Tám mươi lăm: .....

c) Chín mươi: .....

Chín mươi mốt: .....

Chín mươi hai: .....

Chín mươi ba: .....

Chín mươi tư: .....

Bảy mươi sáu: .....

Bảy mươi bảy: .....

Bảy mươi tám: .....

Bảy mươi chín: .....

Tám mươi: .....

Tám mươi sáu: .....

Tám mươi bảy: .....

Tám mươi tám: .....

Tám mươi chín: .....

Chín mươi: .....

Chín mươi lăm: .....

Chín mươi sáu: .....

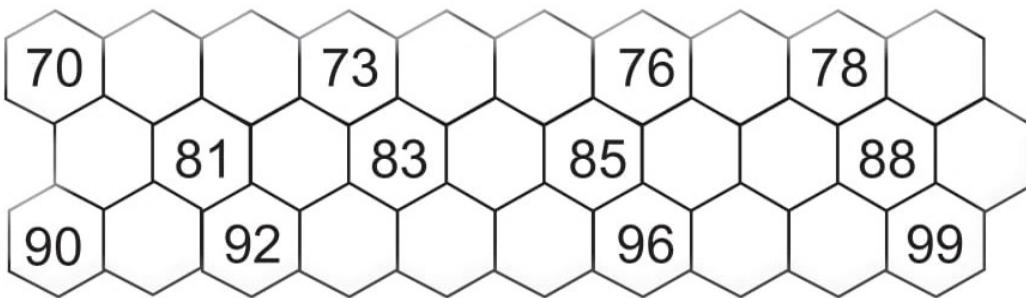
Chín mươi bảy: .....

Chín mươi tám: .....

Chín mươi chín: .....

2

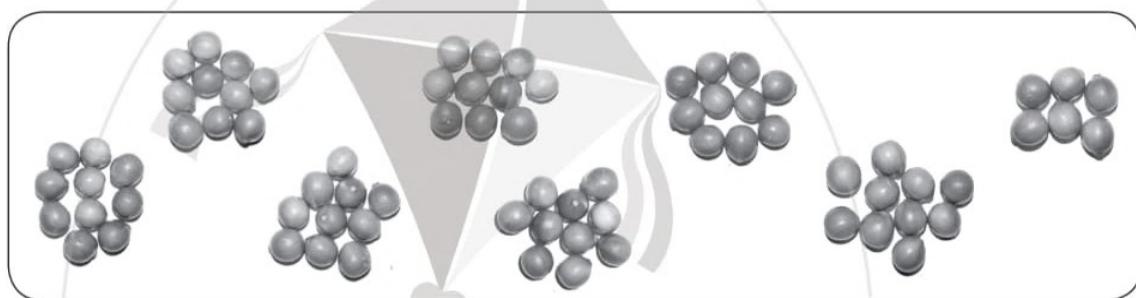
Viết các số còn thiếu vào ô trống rồi đọc các số đó:



3

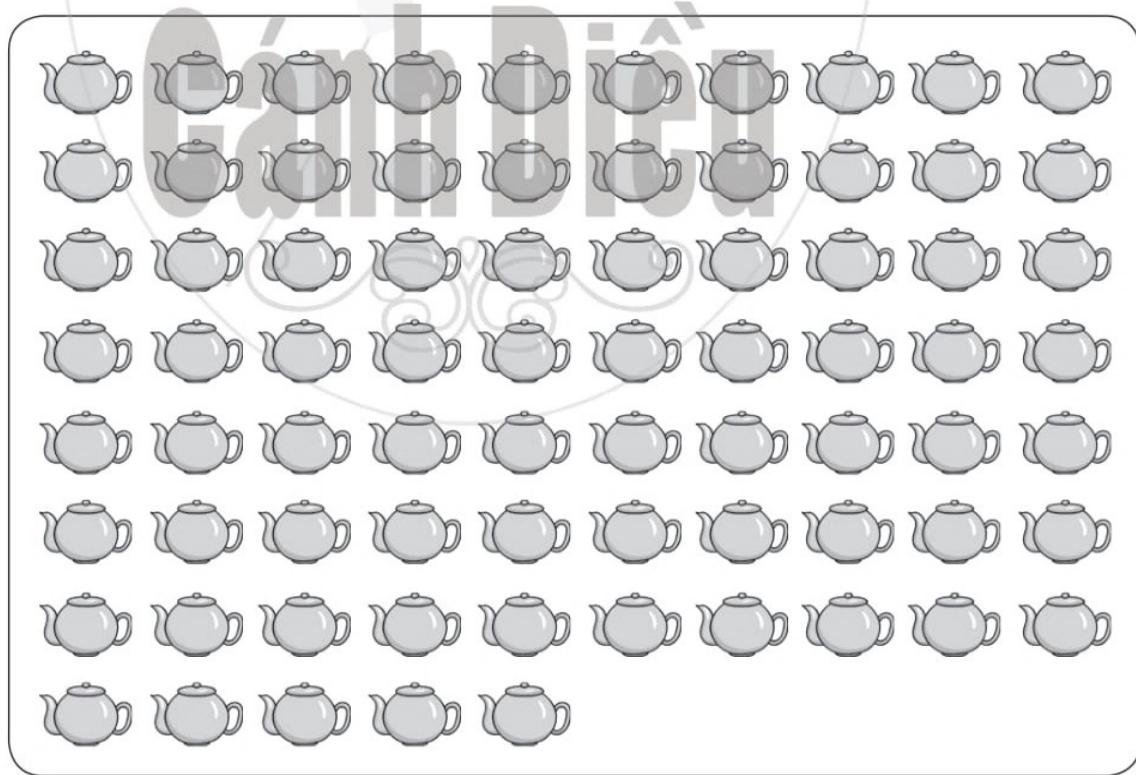
Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a)



Có tất cả .... quả chanh.

b)



Có tất cả .... chiếc ấm.

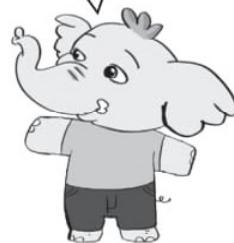
# Bài 46 CÁC SỐ ĐẾN 100

1

Viết vào ô trống những số còn thiếu để có bảng các số từ 1 đến 100:

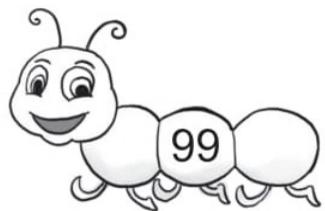
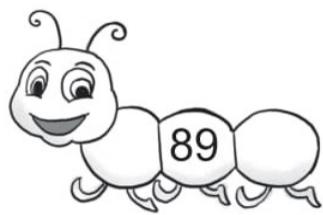
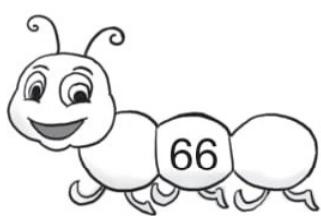
1		3	4			7	8		10
	12	13		15	16		18	19	
21	22		24	25	26	27		29	30
31		33	34	35	36	37	38		40
	42	43	44	45	46	47	48	49	
	52	53	54	55	56	57	58	59	
61		63	64	65	66	67	68		70
71	72		74	75	76	77		79	80
	82	83		85	86		88	89	
91		93	94			97	98		100

Các số từ  
10 đến 99 là  
các số có  
hai chữ số



2

Số ?



50, 51, 52



3

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a)

10, 20, ..., 90, 100.



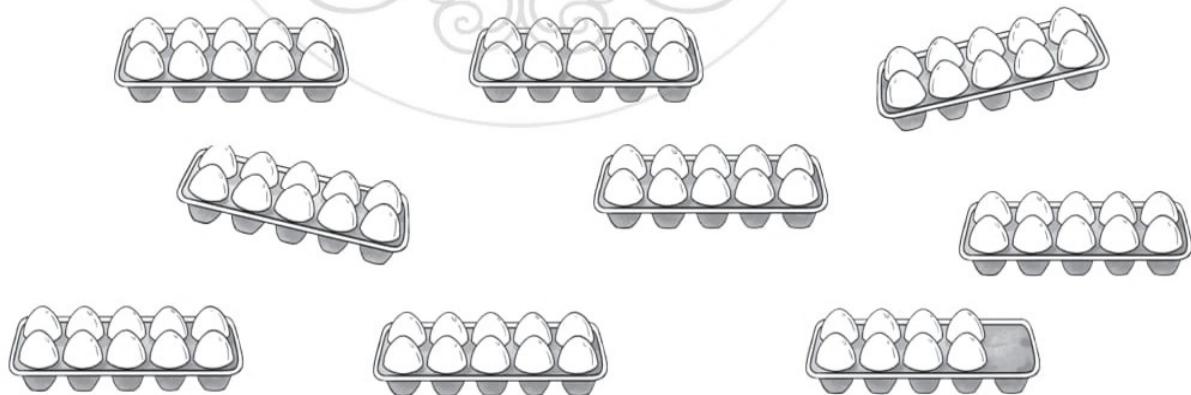
Có tất cả .... chiếc chìa khoá.

b)



Có tất cả .... củ cà rốt.

c)



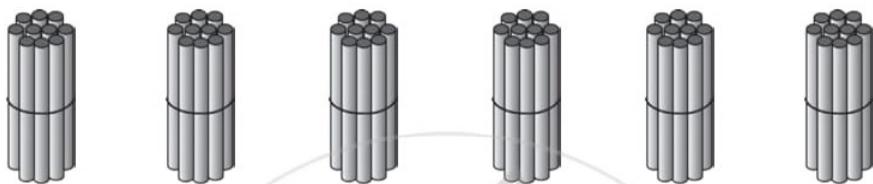
Có tất cả .... quả trứng.

# Bài 47 CHỤC VÀ ĐƠN VỊ

1

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a)



Có tất cả ..... chục que tính.

b)



Có tất cả ..... chục cái bát.

2

Số ?

Các số 10, 20, ..., 90  
là các số tròn chục

10		30		70	90
----	--	----	--	----	----

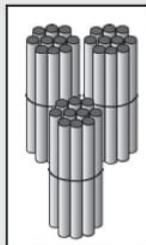


3

Nối (theo mẫu):

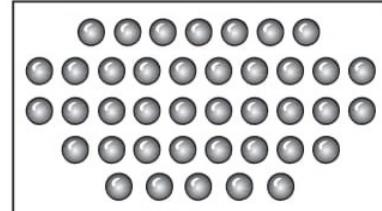
30

3 chục



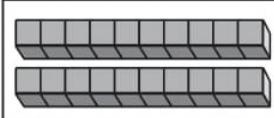
4 chục

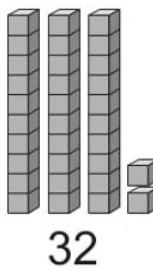
20



2 chục

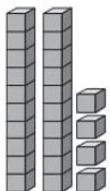
40



**4****Số ?****Mẫu:**

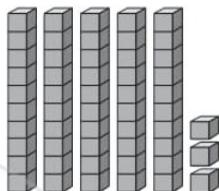
Chục	Đơn vị
3	2

a)



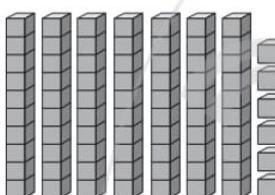
Chục	Đơn vị

b)



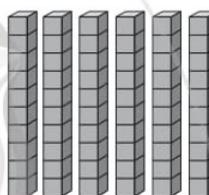
Chục	Đơn vị

c)



Chục	Đơn vị

d)



Chục	Đơn vị

**5****Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

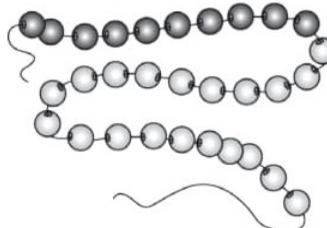
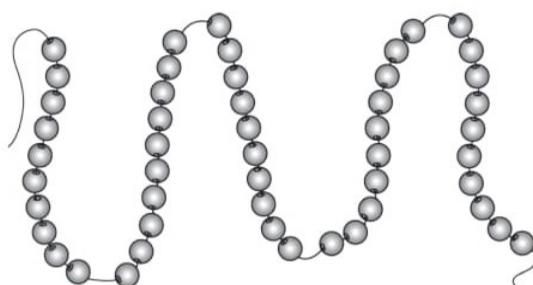
a) Số 12 gồm ..... chục và ..... đơn vị.

Số 12 gồm 1 chục  
và 2 đơn vị

b) Số 49 gồm ..... chục và ..... đơn vị.

c) Số 80 gồm ..... chục và ..... đơn vị.

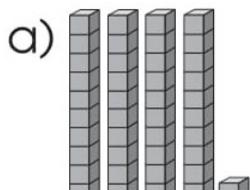
d) Số 66 gồm ..... chục và ..... đơn vị.

**6****Mỗi dây có mấy chục hạt?**
 chục

 chục

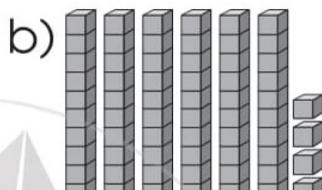
# Bài 48 LUYỆN TẬP

1

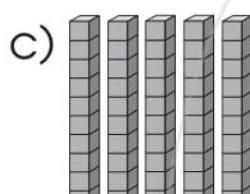
Số ?



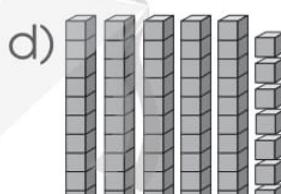
Chục	Đơn vị



Chục	Đơn vị



Chục	Đơn vị



Chục	Đơn vị

2

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- Số 27 gồm ..... chục và ..... đơn vị.
- Số 63 gồm ..... chục và ..... đơn vị.
- Số 90 gồm ..... chục và ..... đơn vị.

3

Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu):

**Mẫu:** Số gồm 5 chục và 1 đơn vị là 51.

- Số gồm 1 chục và 5 đơn vị là .....
- Số gồm 4 chục và 3 đơn vị là .....
- Số gồm 8 chục và 2 đơn vị là .....
- Số gồm 3 chục và 3 đơn vị là .....

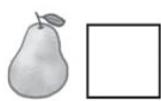
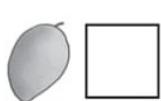
4

Số ?

Chục	Đơn vị	Viết số
1	3	13
4	6	
8	8	
		52

5

Đếm rồi viết số quả mỗi loại vào ô trống:



# Bài 49 SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

1

a) Số ?

7	8			11		13	14			17		19	20
---	---	--	--	----	--	----	----	--	--	----	--	----	----

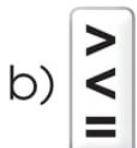


b) ? 11 □ 18    15 □ 13    16 □ 20    11 □ 9

2

a) Số ?

10	20		40				80		
----	----	--	----	--	--	--	----	--	--

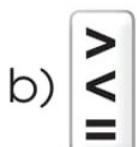


b) ? 20 □ 40    30 □ 70    90 □ 50    60 □ 60

3

a) Số ?

53	54		56	57	58	59			62	63		65		67
----	----	--	----	----	----	----	--	--	----	----	--	----	--	----



b) ? 56 □ 57    66 □ 60    63 □ 63    62 □ 59

4

Xem tranh rồi viết tên vào chỗ chấm cho thích hợp:



Mai



Nam



Lan

- a) Bó hoa của bạn ..... có nhiều bông hoa nhất.  
 b) Bó hoa của bạn ..... có ít bông hoa nhất.

# Bài 50 LUYỆN TẬP

1



?

12  18

86  85

65  65

8  18

27  24

68  70

43  52

96  76

2

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Cho các số:

38

99

83

a) Số bé nhất là .....

b) Số lớn nhất là .....

c) Viết các số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn:

3

a) Viết số điểm của mỗi bạn trong trò chơi thi tâng cầu:

Tôi được  
18 điểm



Khanh

Mình được  
19 điểm



Long

Tôi được  
23 điểm

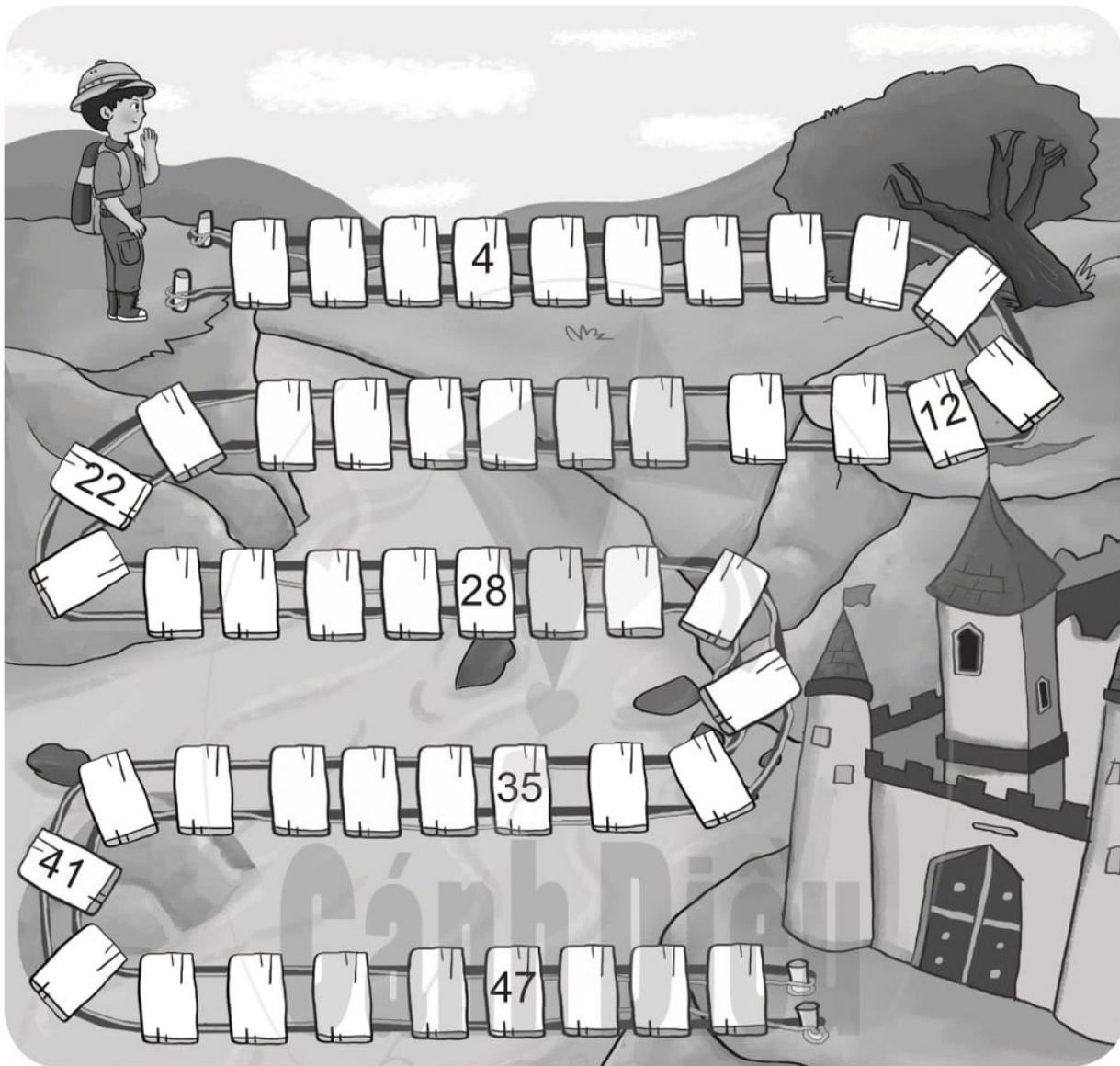


Yến

b) Viết tên các bạn theo thứ tự số điểm từ lớn đến bé:

4

a) Hãy giúp nhà thám hiểm vượt qua cây cầu bằng cách viết các số đã bị xoá:



b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

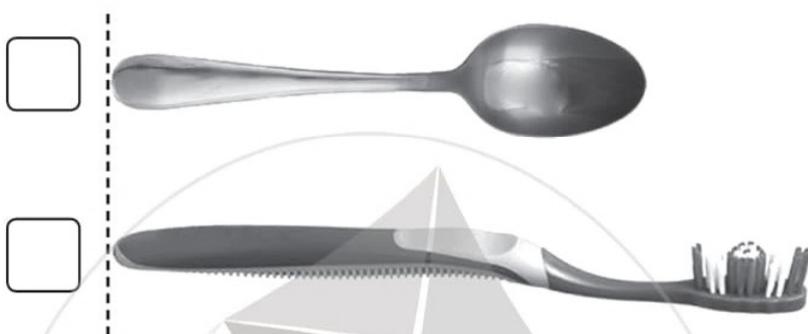
Trong các số em vừa viết:

- Số lớn nhất là .....
- Số bé nhất là .....
- Số tròn chục bé nhất là .....
- Số tròn chục lớn nhất là .....

# Bài 51 DÀI HƠN – NGẮN HƠN

1

a) Đánh dấu ✓ vào ô trống bên cạnh đồ vật ngắn hơn:



b) Khoanh vào chiếc thang dài hơn trong mỗi hình sau:



2

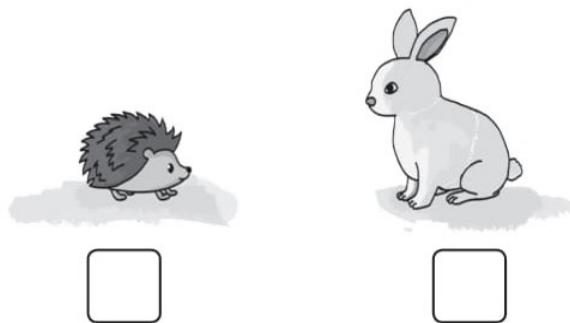
Tô màu xanh vào chiếc váy dài nhất.

Tô màu đỏ vào chiếc váy ngắn nhất.

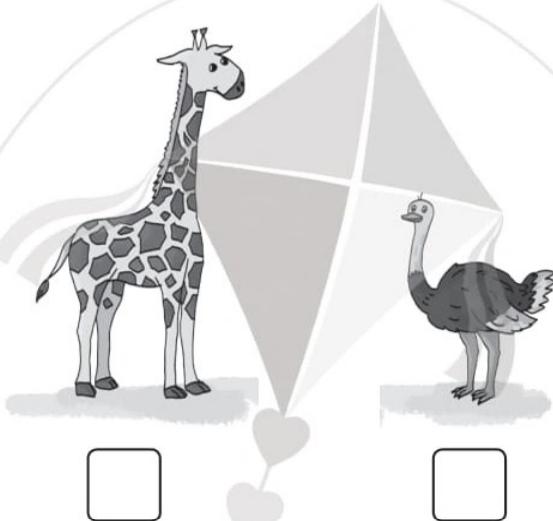


3

a) Đánh dấu ✓ vào ô trống ở dưới con vật cao hơn:



b) Đánh dấu ✗ vào ô trống ở dưới con vật thấp hơn:



4

Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:



Cô Lan



Chú Nam



Linh



Tú

Trong hình vẽ trên:

- Người cao nhất là .....
- Người thấp nhất là .....

## Bài 52 ĐO ĐỘ DÀI

1

Thực hành đo độ dài rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Mặt bàn dài khoảng ..... gang tay.



b) Lớp em rộng khoảng ..... bước chân.



c) Bảng lớp dài khoảng ..... sải tay.



d) Chiếc ghế cao khoảng ..... que tính.



2

Số ?

a)



Chiếc bút dài



Chiếc bút dài

b)



Chiếc lược dài

3

Xem tranh rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:



A

B

C

D

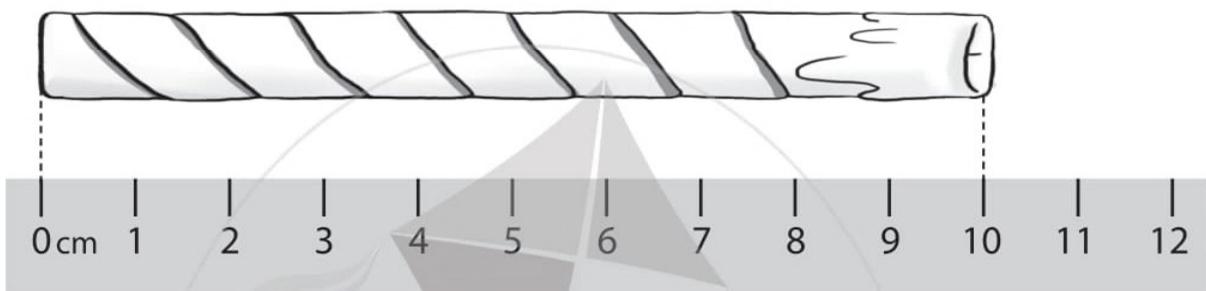
- Tòa nhà cao nhất là .....
- Tòa nhà thấp nhất là .....
- Hai tòa nhà cao bằng nhau là ..... và .....
- Tòa nhà A thấp hơn tòa nhà .....

# Bài 53 XĂNG-TI-MÉT

1

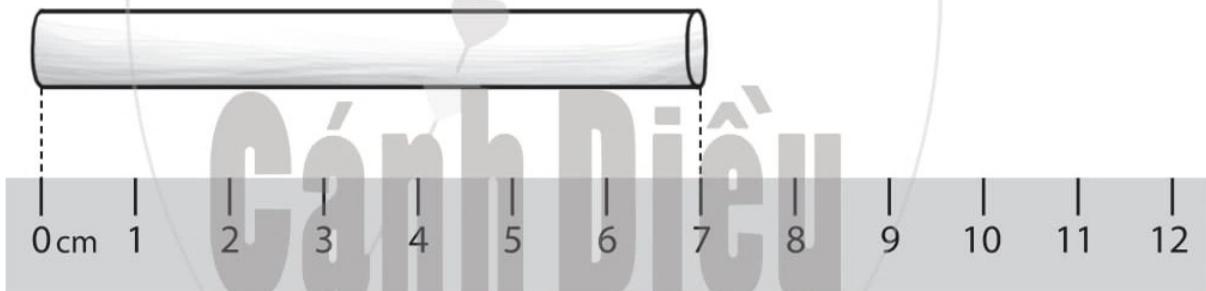
Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a)



Cây nến dài ..... cm.

b)



Viên phấn dài ..... cm.

2

a) Dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo, rồi viết số đo độ dài của mỗi băng giấy vào chỗ chấm:

[ ] .....

[ ] .....

[ ] .....

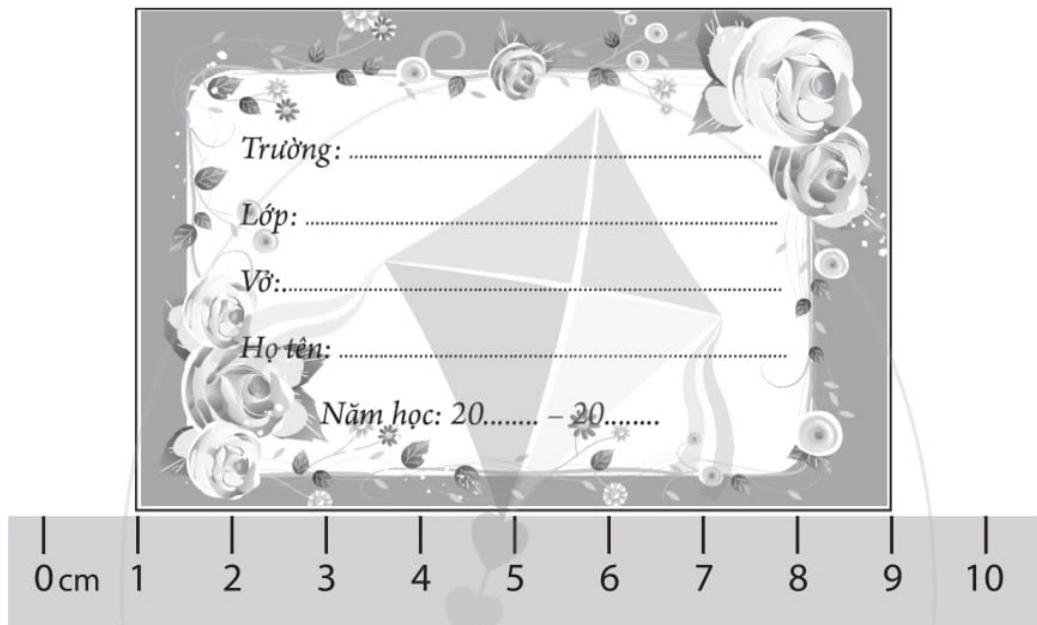
b) Tô màu vào băng giấy dài nhất.

3

### Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a) Nhẫn vở dài 9 cm.

b) Nhẫn vở dài 8 cm.



4

### Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Em tập ước lượng độ dài:

- Bút chì màu của em dài khoảng ..... cm.
- Viên tẩy của em dài khoảng ..... cm.
- Quyển sách Toán 1 dài khoảng ..... cm.

b) Em đo để kiểm tra kết quả ước lượng:

- Bút chì màu của em dài ..... cm.
- Viên tẩy của em dài ..... cm.
- Quyển sách Toán 1 dài ..... cm.

# Bài 54

# EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

1

Viết những số còn thiếu để có bảng các số từ 1 đến 100:

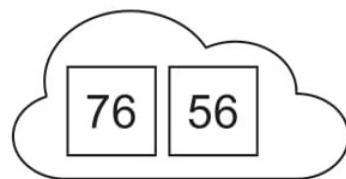
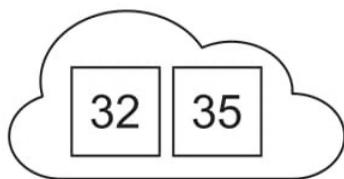
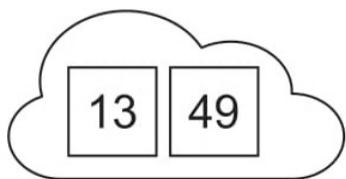
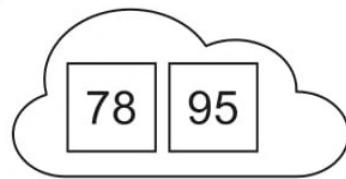
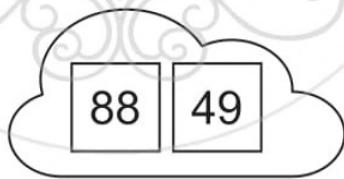
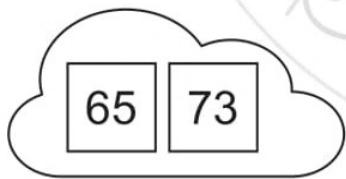


1								10
	12						19	
		23				28		
			34		37			
				45	46			
				55	56			
			64		67			
		73			78			
	82					89		
91							100	



2

a) Tô màu vào thẻ ghi số lớn hơn trong mỗi cặp thẻ sau:



b) ? 15  21 98  89 74  74 30  48

3

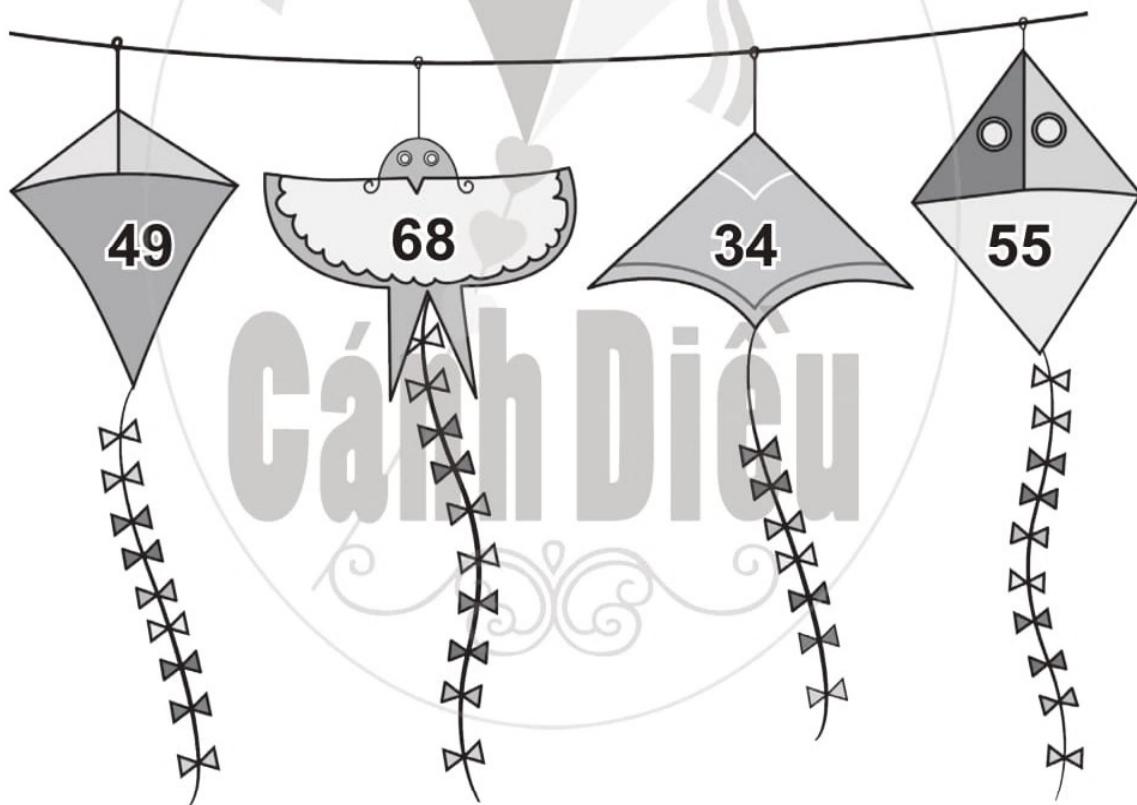
### Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) Số 28 gồm ..... chục và ..... đơn vị.
- b) Số 41 gồm ..... chục và ..... đơn vị.
- c) Số 55 gồm ..... chục và ..... đơn vị.
- d) Số 70 gồm ..... chục và ..... đơn vị.
- e) Số 99 gồm ..... chục và ..... đơn vị.

4

### Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

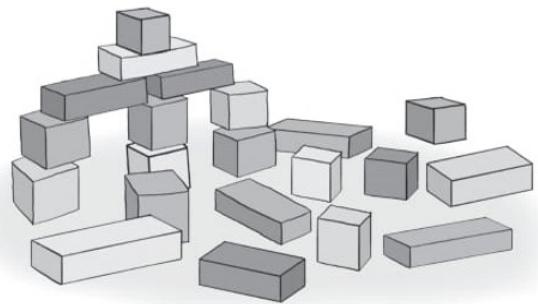
Cho các số:



- a) Số bé nhất là .....
- b) Số lớn nhất là .....
- c) Viết các số đã cho theo thứ tự từ lớn đến bé:  
.....

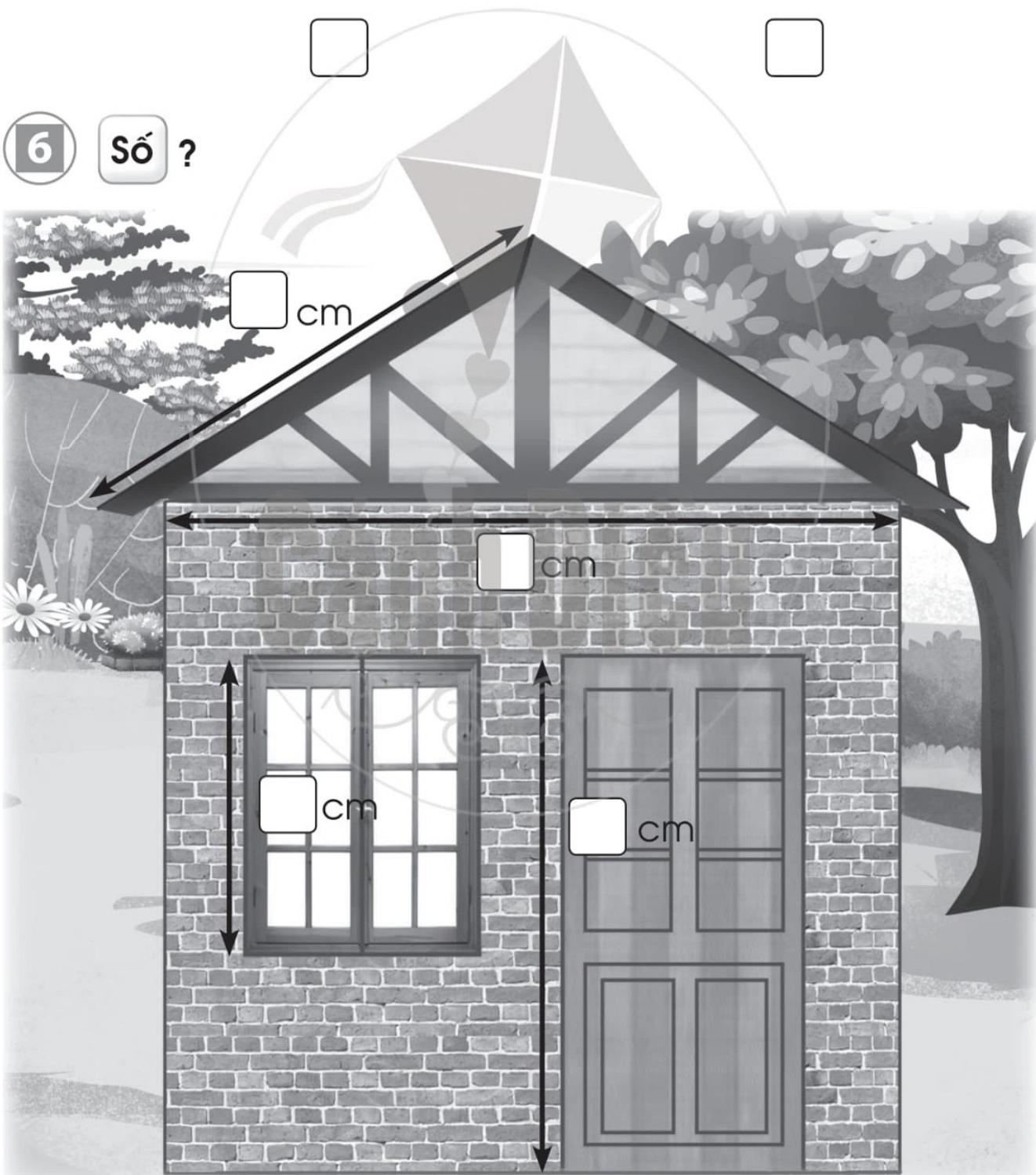
5

Số ?



6

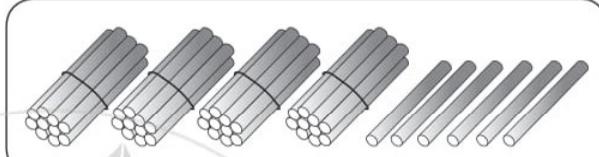
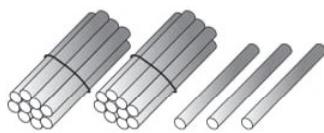
Số ?



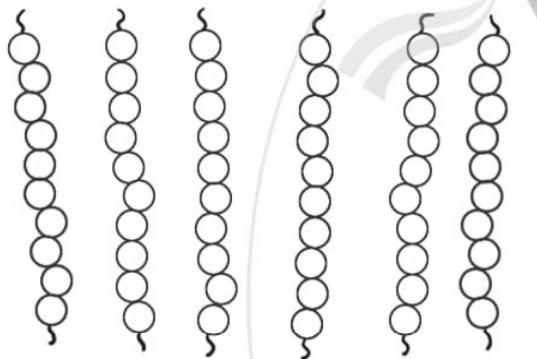
# Bài 55 BÀI KIỂM TRA SỐ 3

1

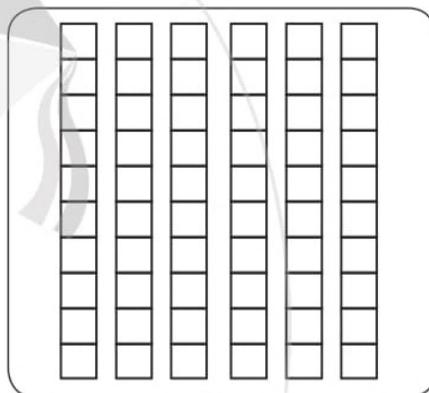
a) Số ?



b) Tô màu cho đủ số lượng:



33



54

c) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

- Số 73 gồm 70 và 3.

- Số 73 gồm 7 và 3.

- Số hai mươi sáu viết là 26.

- Số hai mươi sáu viết là 206.

2

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số 32 gồm ..... chục và ..... đơn vị.

b) Số 50 gồm ..... chục và ..... đơn vị.

c) Số 66 gồm ..... chục và ..... đơn vị.

d) Số 19 gồm ..... chục và ..... đơn vị.

3

a)

$$8 \square 17$$

$$26 \square 29$$

$$63 \square 36$$

$$90 \square 60$$

$$41 \square 34$$

$$75 \square 75$$

b) Viết các số 52, 10, 85, 100 theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

4

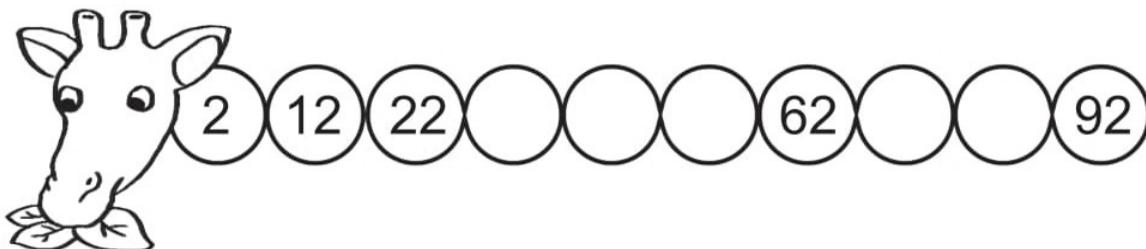
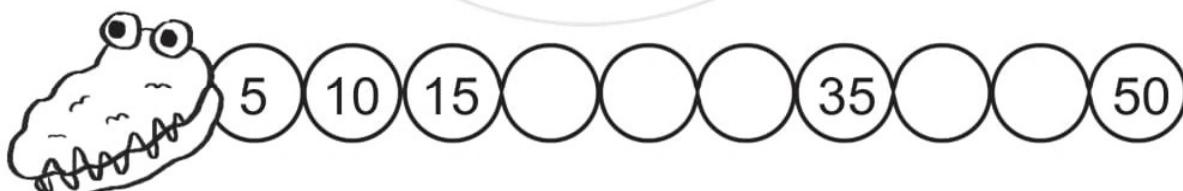
Đánh dấu ✓ vào ô trống bên cạnh tên bạn đo đúng  
độ dài cả ba băng giấy:



Đức	<input type="checkbox"/>	6 cm	10 cm
Dung	<input type="checkbox"/>	5 cm	10 cm
Tú	<input type="checkbox"/>	6 cm	12 cm

5

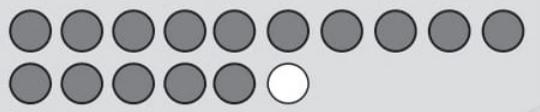
Số ?



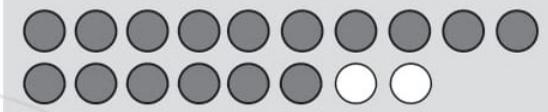
# Bài 56 PHÉP CỘNG DẠNG 14 + 3

1

Tính:



$$15 + 1 = \dots$$



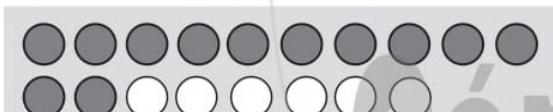
$$16 + 2 = \dots$$



$$13 + 4 = \dots$$



$$14 + 5 = \dots$$



$$12 + 6 = \dots$$



$$10 + 7 = \dots$$

2

Tính:

$$12 + 1 = \dots$$

$$13 + 2 = \dots$$

$$14 + 4 = \dots$$

$$12 + 3 = \dots$$

$$16 + 3 = \dots$$

$$11 + 5 = \dots$$

$$13 + 1 = \dots$$

$$15 + 2 = \dots$$

$$12 + 7 = \dots$$

3

Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:

$$11 + 1$$

$$12$$

$$13$$

$$10 + 3$$

$$14 + 2$$

$$18$$

$$14 + 1$$

$$10 + 8$$

$$16$$

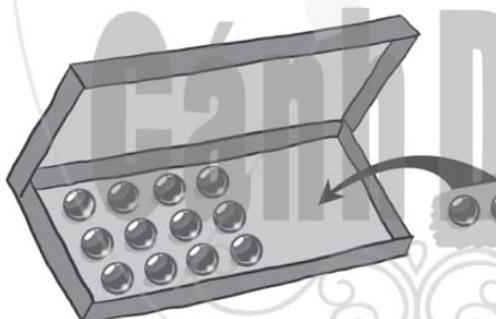
$$15$$

$$15 + 4$$

4

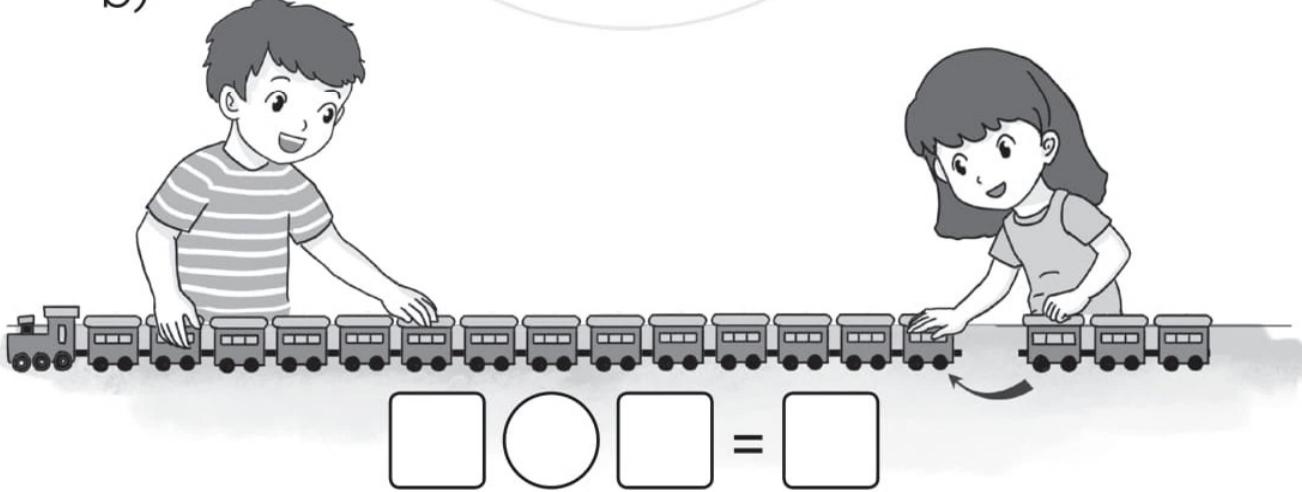
Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



$$\square \bigcirc \square = \square$$

b)



$$\square \bigcirc \square = \square$$

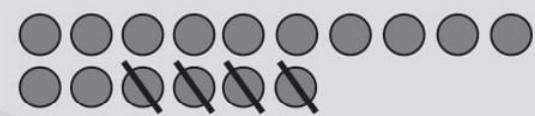
# Bài 57 PHÉP TRỪ DẠNG 17 – 2

1

Tính:



$$14 - 2 = \dots$$



$$16 - 4 = \dots$$



$$18 - 3 = \dots$$



$$17 - 5 = \dots$$



$$16 - 6 = \dots$$



$$19 - 7 = \dots$$

2

Tính:

$$15 - 2 = \dots$$

$$13 - 3 = \dots$$

$$17 - 6 = \dots$$

$$16 - 3 = \dots$$

$$16 - 5 = \dots$$

$$19 - 8 = \dots$$

$$14 - 1 = \dots$$

$$18 - 4 = \dots$$

$$14 - 4 = \dots$$

3

Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:

$$12 - 1$$

$$14$$

$$13$$

$$19 - 5$$

$$19 - 4$$

$$15$$

$$11$$

$$15 - 5$$

$$17 - 4$$

$$16$$

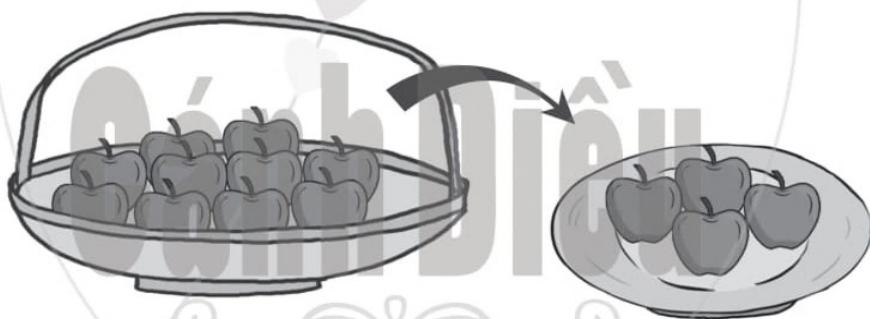
$$10$$

$$18 - 2$$

4

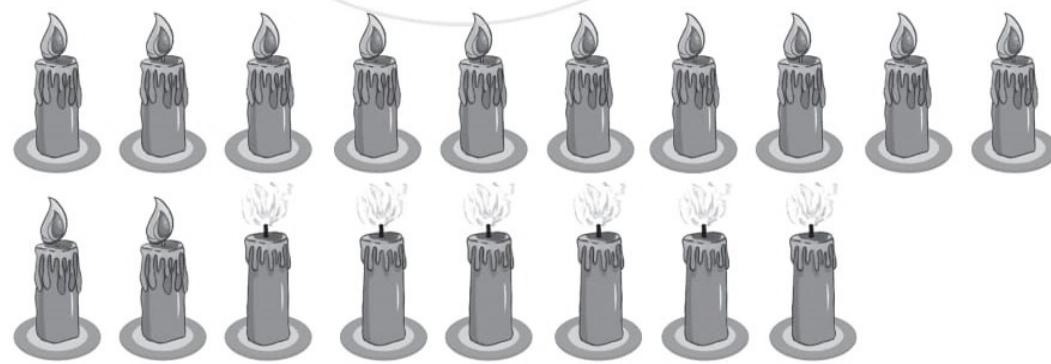
Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



$$\boxed{\phantom{0}} + \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{0}}$$

b)



$$\boxed{\phantom{0}} + \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{0}}$$

# Bài 58 LUYỆN TẬP

1

Tính:

$16 + 1 = \dots$

$18 - 5 = \dots$

$12 - 2 = \dots$

$19 - 1 = \dots$

$10 + 6 = \dots$

$17 - 7 = \dots$

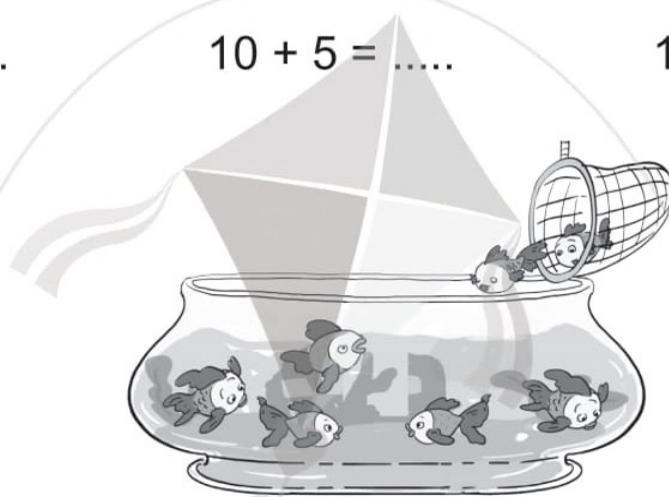
$13 + 3 = \dots$

$10 + 5 = \dots$

$18 - 6 = \dots$

2

Số ?



**Bài toán:** Trong bể có  con cá, thả thêm  con cá.

Hỏi trong bể có tất cả bao nhiêu con cá?

3

a) Tổ em có 6 bạn, sau đó có thêm 3 bạn nữa. Hỏi tổ em có tất cả mấy bạn?



Phép tính:

$\square + \square = \square$

Trả lời:

Tổ em có tất cả  bạn.

b) Lúc đầu trên sân có 5 bạn đang chơi, sau đó 1 bạn đi về. Hỏi trên sân còn lại mấy bạn?



Phép tính:

$$\square - \square = \square$$

Trả lời:

Trên sân còn lại  bạn.

4

Một xe ô tô buýt có 18 người trên xe, khi đến điểm dừng 4 người xuống xe. Hỏi trên xe còn lại bao nhiêu người?



Phép tính:  $\square - \square = \square$

Trả lời: Trên xe còn lại  người.

# Bài 59 CỘNG, TRỪ CÁC SỐ TRÒN CHỤC

1 Tính:

$30 + 10 = \dots$

$20 + 20 = \dots$

$50 + 40 = \dots$

$40 + 20 = \dots$

$80 + 10 = \dots$

$20 + 70 = \dots$

2 Tính:

$40 - 30 = \dots$

$50 - 50 = \dots$

$90 - 60 = \dots$

$60 - 10 = \dots$

$80 - 70 = \dots$

$70 - 50 = \dots$

3 Số ?

$40 + \boxed{\quad} = 50$

$40 - \boxed{\quad} = 20$

$10 + \boxed{\quad} = 70$

$30 + \boxed{\quad} = 50$

$30 - \boxed{\quad} = 10$

$20 - \boxed{\quad} = 0$

4

Lớp 1A ủng hộ học sinh có hoàn cảnh khó khăn được 5 chục quyển vở, lớp 1B ủng hộ được 4 chục quyển vở. Hỏi cả hai lớp ủng hộ được bao nhiêu quyển vở?



Phép tính:

$\boxed{\quad} \bigcirc \boxed{\quad} = \boxed{\quad}$

Trả lời: Cả hai lớp ủng hộ  
được  $\boxed{\quad}$  quyển vở.

# Bài 60

# PHÉP CỘNG DẠNG 25 + 14

1

Tính:

$$\begin{array}{r} 32 \\ + 26 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11 \\ + 45 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 54 \\ + 23 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 86 \\ + 13 \\ \hline \end{array}$$

2

Đặt tính rồi tính (theo mẫu):

$42 + 17$

$$\begin{array}{r} 42 \\ + 17 \\ \hline 59 \end{array}$$

$36 + 21$

$$\begin{array}{r} 36 \\ + 21 \\ \hline \end{array}$$

$53 + 35$

$$\begin{array}{r} 53 \\ + 35 \\ \hline \end{array}$$

$63 + 22$

$$\begin{array}{r} 63 \\ + 22 \\ \hline \end{array}$$

3

Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:

 $34 + 25$

 $23 + 42$

 $61 + 18$

 $33 + 54$

 $59$

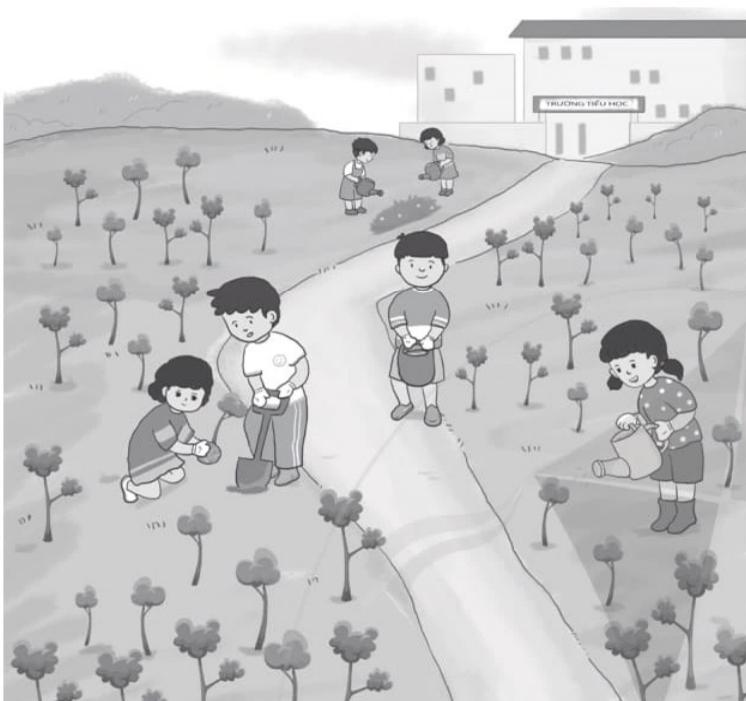
 $79$

 $65$

 $87$

4

Lớp 1A trồng được 24 cây, lớp 1B trồng được 21 cây.  
Hỏi cả hai lớp trồng được bao nhiêu cây?



Phép tính:

$$\boxed{\phantom{0}} + \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{0}}$$

Trả lời: Cả hai lớp trồng  
được  cây.

5

Trong trò chơi tìm chữ cái, An tìm được 31 chữ cái,  
Thu tìm được 28 chữ cái. Hỏi cả hai bạn tìm được bao  
nhiêu chữ cái?



Phép tính:  $\boxed{\phantom{0}} + \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{0}}$

Trả lời: Cả hai bạn tìm được  chữ cái.

# Bài 61 PHÉP CỘNG DẠNG 25 + 4, 25 + 40

1

Tính:

$$\begin{array}{r} 22 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 36 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 41 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 64 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

2

Đặt tính rồi tính:

$$45 + 3$$

.....

$$53 + 6$$

.....

$$82 + 4$$

.....

$$63 + 3$$

.....

3

Tính (theo mẫu):

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 25 \\ + 40 \\ \hline 65 \end{array}$$

- 5 cộng 0 bằng 5, viết 5
- 2 cộng 4 bằng 6, viết 6

Vậy  $25 + 40 = 65$

$$\begin{array}{r} 17 \\ + 30 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 38 \\ + 20 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 26 \\ + 50 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 24 \\ + 70 \\ \hline \end{array}$$

**4**

**Đặt tính rồi tính:**

$$29 + 40$$

$$72 + 20$$

$$48 + 50$$

$$67 + 10$$

- 5** Mẹ làm được 25 chiếc bánh rán nhân ngọt và 20 chiếc bánh rán nhân mặn. Hỏi mẹ làm được tất cả bao nhiêu chiếc bánh?



Phép tính:    =

Trả lời: Mẹ làm được tất cả  chiếc bánh.

# Bài 62 LUYỆN TẬP

**1** Tính:

$$5 + 2 = \dots$$

$$4 + 4 = \dots$$

Hãy tìm  
cách tính mà  
không cần đặt tính

$$65 + 2 = \dots$$

$$54 + 4 = \dots$$

$$6 + 3 = \dots$$

$$7 + 1 = \dots$$

$$96 + 3 = \dots$$

$$87 + 1 = \dots$$



**2** Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:

67

89

53

$$84 + 5$$

$$60 + 7$$

$$23 + 30$$

$$47 + 20$$

**3** a) Tính:

$$30 + 40 + 10 = \dots$$

$$50 + 10 + 3 = \dots$$

$$60 + 20 + 12 = \dots$$

$$70 + 8 + 1 = \dots$$

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:



Dung



Hà

Số điểm của bạn Dung là: ..... + ..... + ..... = ..... (điểm).

Số điểm của bạn Hà là: ..... + ..... + ..... = ..... (điểm).

4

Tiết mục văn nghệ có 31 bạn hát và 8 bạn múa.

Hỏi tiết mục văn nghệ đó có tất cả bao nhiêu bạn?



Phép tính:    =

Trả lời: Tiết mục văn nghệ có tất cả  bạn.

# Bài 63 PHÉP TRỪ DẠNG 39 – 15

1

Tính:

27	54	39	65
-	-	-	-
14	13	12	61
—	—	—	—
.....	.....	.....	.....
48	53	—	—
-	-	—	—
16	23	—	—
—	—	—	—
.....	.....	.....	.....

Nhớ viết kết quả thẳng cột

2

Đặt tính rồi tính:

$42 - 31$

$35 - 23$

$87 - 26$

$59 - 49$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$45 - 22$

$56 - 41$

$77 - 66$

$89 - 83$

.....

.....

.....

.....

.....

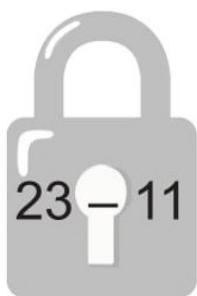
.....

.....

.....

3

### Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:



32

11

12

43

4

a) Tủ sách lớp 1A có 68 quyển sách, cô giáo đã cho mượn 15 quyển. Hỏi tủ sách lớp 1A còn lại bao nhiêu quyển sách?

**Phép tính:**

$$\boxed{\phantom{0}} \bigcirc \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{0}}$$

**Trả lời:** Tủ sách lớp 1A

còn lại  $\boxed{\phantom{0}}$  quyển sách.



b) Tủ sách lớp 1A có 68 quyển sách, Tâm đã đọc 22 quyển sách. Hỏi trong tủ sách lớp 1A còn bao nhiêu quyển sách Tâm chưa đọc?

**Phép tính:**

$$\boxed{\phantom{0}} \bigcirc \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{0}}$$

**Trả lời:** Trong tủ sách lớp 1A còn  $\boxed{\phantom{0}}$  quyển sách Tâm chưa đọc.

# Bài 64 PHÉP TRỪ DẠNG 27 – 4, 63 – 40

1

Tính:

$$\begin{array}{r} 37 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 56 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 78 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 83 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$$

2

Đặt tính rồi tính:

$$46 - 5$$

$$58 - 4$$

$$28 - 7$$

$$69 - 9$$

3

Tính (theo mẫu):

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 63 \\ - 40 \\ \hline 23 \end{array}$$

• 3 trừ 0 bằng 3, viết 3

• 6 trừ 4 bằng 2, viết 2

Vậy  $63 - 40 = 23$

$48$  $- 30$ 

---

.....

 $36$  $- 10$ 

---

.....

 $75$  $- 30$ 

---

.....

 $86$  $- 20$ 

---

.....

**4****Đặt tính rồi tính:**

$56 - 20$

.....  
.....  
.....  
.....

$27 - 10$

.....  
.....  
.....  
.....

$91 - 50$

.....  
.....  
.....  
.....

$88 - 70$

.....  
.....  
.....  
.....**5**

Trang có 36 tờ giấy màu. Trang cắt hoa hết 6 tờ. Hỏi Trang còn lại bao nhiêu tờ giấy màu?



**Phép tính:**    =

**Trả lời:** Trang còn lại  tờ giấy màu.

# Bài 65 LUYỆN TẬP

1

Tính:

$$6 - 4 = \dots$$

$$9 - 5 = \dots$$

$$7 - 2 = \dots$$

$$76 - 4 = \dots$$

$$59 - 5 = \dots$$

$$87 - 2 = \dots$$

2

Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:



3

Tính:

a)  $50 - 10 - 30 = \dots$

$67 - 7 - 20 = \dots$

b)  $2 + 4 - 3 = \dots$

$9 - 5 + 2 = \dots$

$20 + 40 - 30 = \dots$

$90 - 50 + 20 = \dots$

4

Tính (theo mẫu):

Mẫu:  $10 \text{ cm} + 20 \text{ cm} = 30 \text{ cm}$

$$20 \text{ cm} + 30 \text{ cm} = \dots\dots$$

$$40 \text{ cm} + 10 \text{ cm} - 20 \text{ cm} = \dots\dots$$

$$70 \text{ cm} - 40 \text{ cm} = \dots\dots$$

$$50 \text{ cm} - 20 \text{ cm} + 30 \text{ cm} = \dots\dots$$

5

Vườn nhà chú Doanh có 38 buồng chuối, chú đã cắt 5 buồng. Hỏi vườn nhà chú Doanh còn lại bao nhiêu buồng chuối?



Phép tính:  $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Vườn nhà chú Doanh còn lại  $\square$  buồng chuối.

# Bài 66

# LUYỆN TẬP CHUNG

1

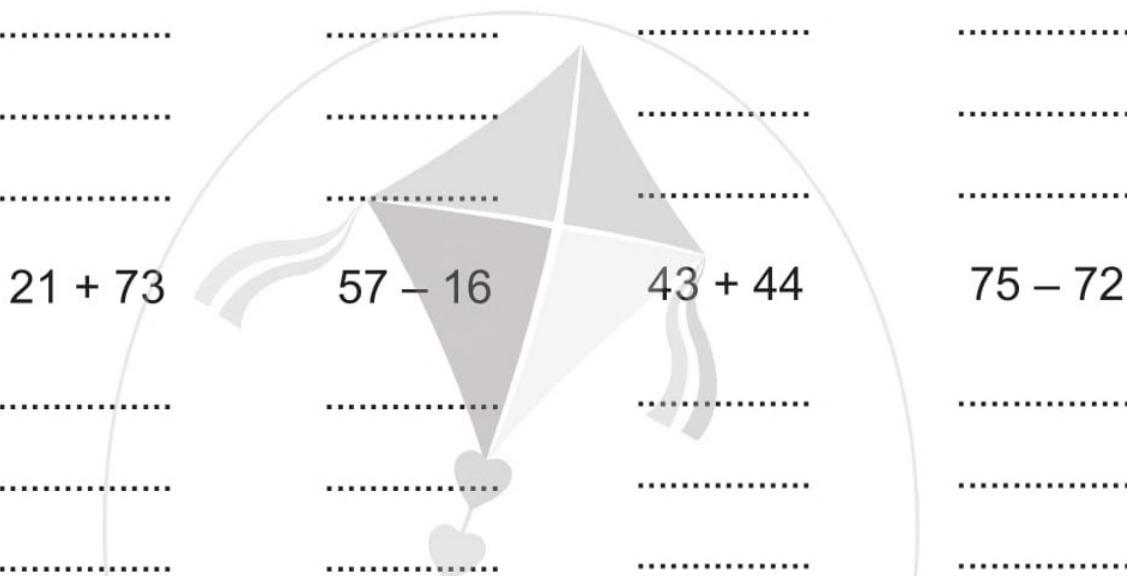
Đặt tính rồi tính:

$67 - 5$

$31 + 8$

$95 - 60$

$50 + 24$



2

Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:

$89 - 10$

$26 - 2$

44

70

79

24

$14 + 30$

$50 + 20$

3

II VV  
?

$10 + 20 \square 50$

$30 + 20 \square 50$

$50 - 10 \square 30$

$40 - 30 \square 30$

4

Trong phòng có 30 cái ghế, người ta mang thêm vào 15 cái ghế nữa. Hỏi trong phòng có tất cả bao nhiêu cái ghế?



Phép tính:    =

Trả lời: Trong phòng có tất cả  cái ghế.

# Bài 67 CÁC NGÀY TRONG TUẦN LỄ

## 1 Viết tiếp vào chỗ chấm:

a) Các ngày trong tuần lễ là: .....

.....

b) Nếu hôm nay là thứ Năm thì:

- Ngày mai là thứ .....

- Hôm qua là thứ .....

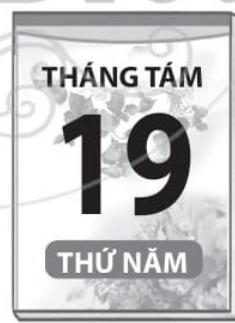
## 2 Viết tiếp vào chỗ chấm:

Trong một tuần lễ:

a) Em đi học vào các ngày: .....

.....  
b) Em được nghỉ học các ngày: .....

## 3 Đọc mỗi tờ lịch sau rồi viết tiếp vào chỗ chấm:



- Ngày 26 tháng 3 là thứ .....

- Ngày 1 tháng 6 là thứ .....

- Ngày 19 tháng 8 là thứ .....

- Ngày 20 tháng 11 là thứ .....

4

#### Xem tranh rồi viết tiếp vào chỗ chấm:

- a) Ngày mai mẹ sẽ cho Tân đi chơi công viên.  
Hôm nay là thứ .....



b)



Đúng một tuần nữa là  
sinh nhật của anh Đức



Sinh nhật của anh Đức vào .....

# Bài 68 ĐỒNG HỒ – THỜI GIAN

1

Viết vào chỗ chấm (theo mẫu):



5 giờ



.....



.....

2

Nối mỗi hình vẽ với đồng hồ thích hợp (theo mẫu):



Buổi sáng, Loan tập  
thể dục lúc 6 giờ.



Loan ăn trưa  
lúc 11 giờ.



Buổi sáng, Loan học cùng  
các bạn lúc 10 giờ.



Buổi chiều, Loan đi  
bơi lúc 4 giờ.



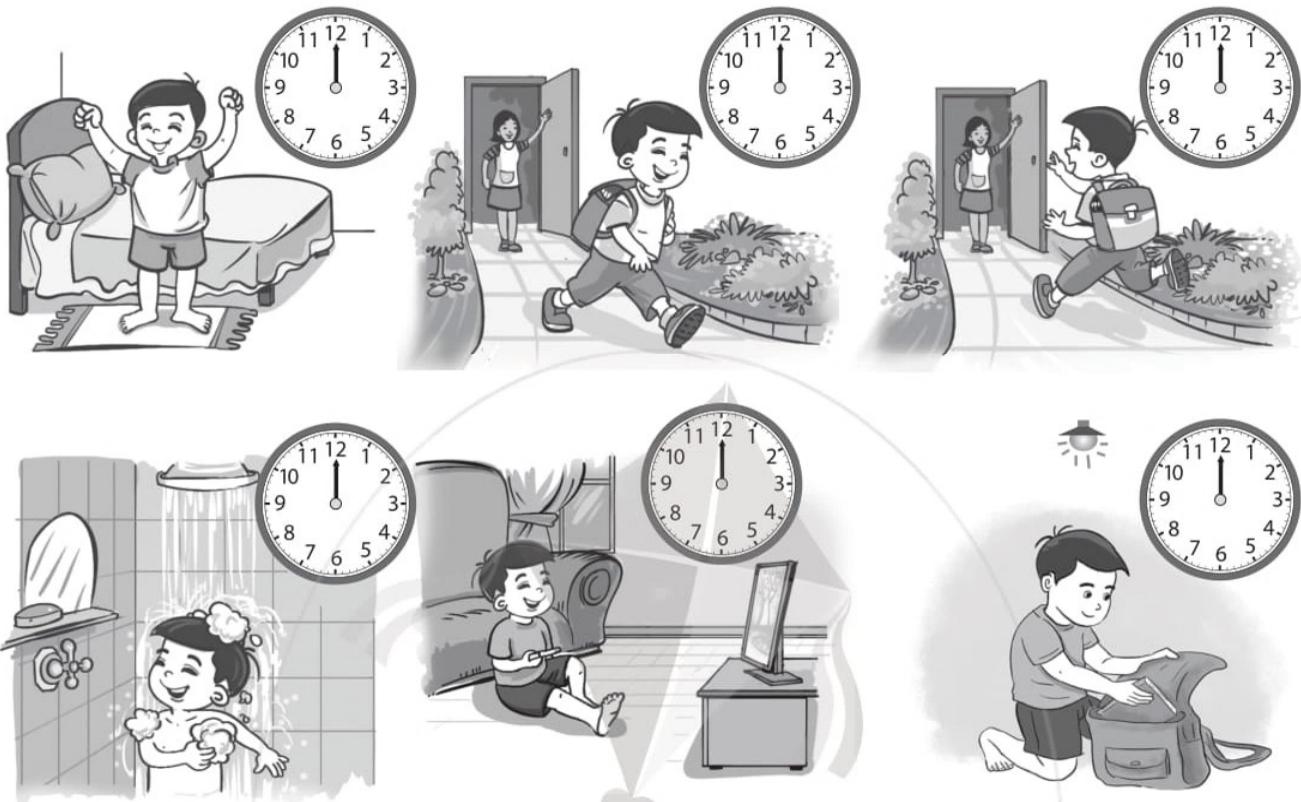
Buổi tối, Loan đọc  
sách lúc 8 giờ.



Buổi tối, Loan đi ngủ  
lúc 9 giờ.

3

a) Vẽ thêm kim ngắn vào mỗi đồng hồ cho thích hợp:



b) Kể chuyện theo các tranh trên.

4

Bạn Châu đi từ thành phố về quê. Vẽ thêm kim ngắn vào mỗi đồng hồ cho thích hợp.



# Bài 69 EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

1

Tính:

$5 + 2 = \dots$

$8 - 3 = \dots$

$15 + 2 = \dots$

$18 - 3 = \dots$

$65 + 2 = \dots$

$48 - 3 = \dots$

$70 + 10 = \dots$

$60 + 30 = \dots$

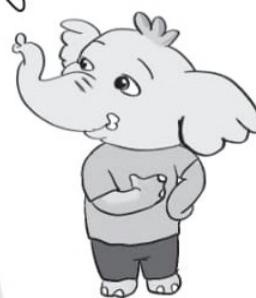
$80 - 10 = \dots$

$90 - 60 = \dots$

$80 - 70 = \dots$

$90 - 30 = \dots$

Hãy tìm  
cách tính mà  
không cần đặt tính



2

a) Đặt tính rồi tính:

$66 + 13$

$73 - 31$

$54 + 33$

$86 - 20$

.....

.....

.....

.....

$45 + 50$

$34 - 24$

$22 + 7$

$97 - 3$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b) Tính:

$50 + 10 - 30 = \dots$

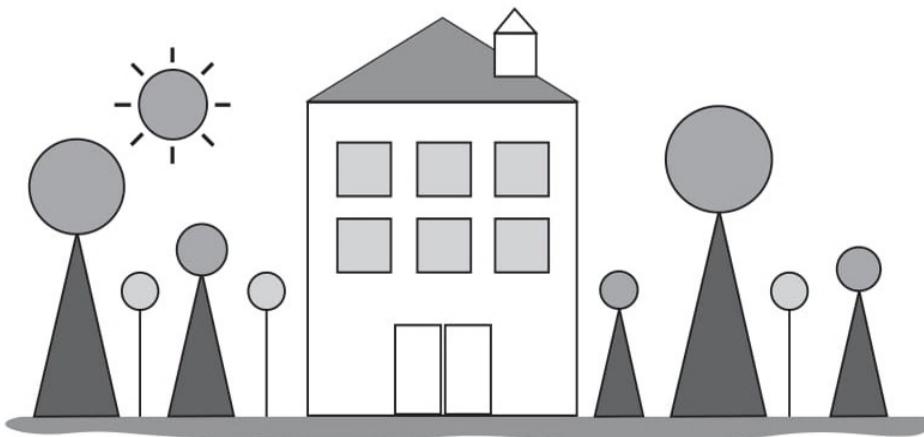
$27 + 10 + 2 = \dots$

$60 - 20 + 40 = \dots$

$48 - 5 - 20 = \dots$

3

Số ?



Hình trên có:  hình vuông,  hình tròn,  
 hình tam giác,  hình chữ nhật.

4

a) Khoanh vào chữ đặt bên cạnh đồng hồ chỉ 3 giờ.



A



B

b) Vẽ thêm kim ngắn, kim dài để đồng hồ chỉ: 2 giờ; 11 giờ.



c) Đọc tờ lịch dưới đây rồi viết tiếp vào chỗ chấm:

- Ngày Sách Việt Nam 21 tháng Tư vào thứ .....
- Hướng ứng Ngày Sách Việt Nam, Trường Tiểu học Nguyễn Du tổ chức Tuần lễ văn hóa đọc. Nếu khai mạc vào ngày 21 tháng Tư thì kết thúc vào thứ .....



5

Thanh gỗ dài 85 cm, bác An cắt bớt 35 cm. Hỏi thanh gỗ còn lại dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



Phép tính:  +  =

Trả lời: Thanh gỗ còn lại dài  cm.

6

Đánh dấu ✓ vào con vật cao nhất:



# Bài 70

## BÀI KIỂM TRA SỐ 4

1

Đặt tính rồi tính:

$$13 + 32$$

$$56 - 25$$

$$64 + 3$$

$$77 - 5$$

$$14 + 1 + 3 = \dots$$

$$50 + 20 + 10 = \dots$$

$$19 - 2 - 7 = \dots$$

$$60 - 30 + 40 = \dots$$

3

Tìm lỗi sai trong các phép tính sau rồi sửa lại cho đúng:

$$\begin{array}{r} 45 \\ + 13 \\ \hline 32 \end{array} \dots$$

$$\begin{array}{r} 38 \\ - 2 \\ \hline 58 \end{array} \dots$$

$$\begin{array}{r} 21 \\ + 5 \\ \hline 71 \end{array} \dots$$



4

Xe thứ nhất chở 24 người, xe thứ hai chở 24 người. Hỏi cả hai xe chở bao nhiêu người?

Phép tính:    =

Trả lời: Cả hai xe chở  người.

5

Khoanh vào chữ đặt bên cạnh đồng hồ chỉ giờ thích hợp:

Buổi chiều, anh Tuấn thích đọc sách vào sau 3 giờ và trước 5 giờ.

Đồng hồ nào dưới đây có thể chỉ giờ mà anh Tuấn đọc sách?



A



B



C



D

6

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Hè vừa rồi, em được bố mẹ đưa về quê thăm ông bà 1 tuần và 2 ngày. Em được về quê tất cả ..... ngày.

# Bài 71

# ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10

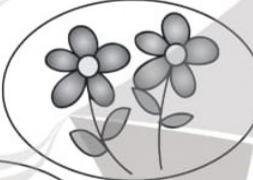
1

Nối (theo mẫu):

1



2



3



4



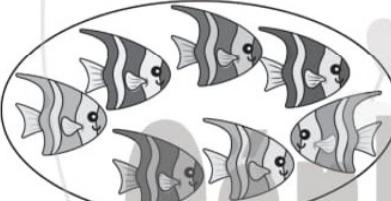
5



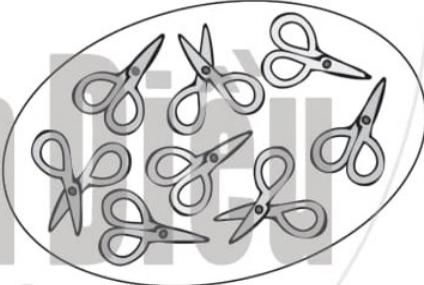
6



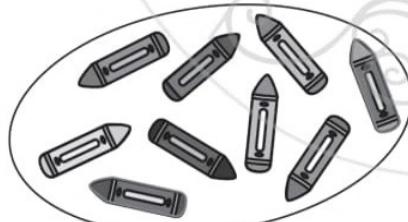
7



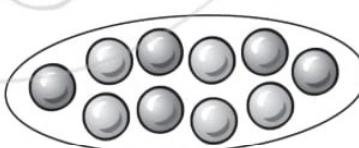
8



9



10



một

hai

ba

bốn

năm

sáu

bảy

tám

chín

mười

2

≡ ≈ ?

2 □ 7

6 □ 9

10 □ 1

8 □ 8

4 □ 4

8 □ 0

5 □ 7

10 □ 3

3

**Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

Cho các số sau:

3

9

6

7

a) Số lớn nhất là .....

b) Số bé nhất là .....

c) Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

4

**Số ?**

<input type="text"/>	5	6	7	<input type="text"/>
----------------------	---	---	---	----------------------

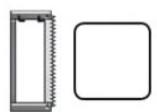
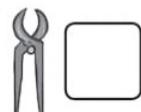
<input type="text"/>	6	7	8	<input type="text"/>	<input type="text"/>
----------------------	---	---	---	----------------------	----------------------

4	3	2	<input type="text"/>	<input type="text"/>
---	---	---	----------------------	----------------------

<input type="text"/>	<input type="text"/>	3	2	1	<input type="text"/>
----------------------	----------------------	---	---	---	----------------------

5

**Xem tranh rồi đếm số đồ vật mỗi loại:**



# Bài 72

## ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

1

Tính nhẩm:

a)  $8 + 1 = \dots$

$6 + 0 = \dots$

$10 - 5 = \dots$

$5 - 0 = \dots$

$3 + 3 = \dots$

$7 + 3 = \dots$

$8 - 3 = \dots$

$4 - 4 = \dots$

b)  $7 + 2 + 1 = \dots$

$5 - 1 - 2 = \dots$

$10 - 3 + 2 = \dots$

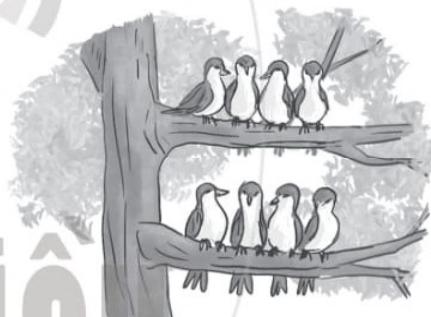
$4 + 2 - 5 = \dots$

2

Xem tranh rồi viết phép cộng thích hợp:



$$\square + \square = \square$$



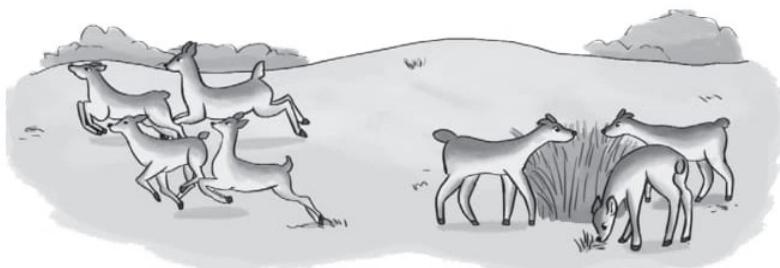
$$\square + \square = \square$$

3

Xem tranh rồi viết phép trừ thích hợp:



$$\square - \square = \square$$



$$\square - \square = \square$$

4

a) Số ?



$$6 + 4 = \boxed{\phantom{00}}$$

$$10 - 4 = \boxed{\phantom{00}}$$

$$4 + 6 = \boxed{\phantom{00}}$$

$$10 - 6 = \boxed{\phantom{00}}$$

b) Xem tranh rồi viết phép tính thích hợp:



$$\boxed{\phantom{0}} + \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{00}}$$

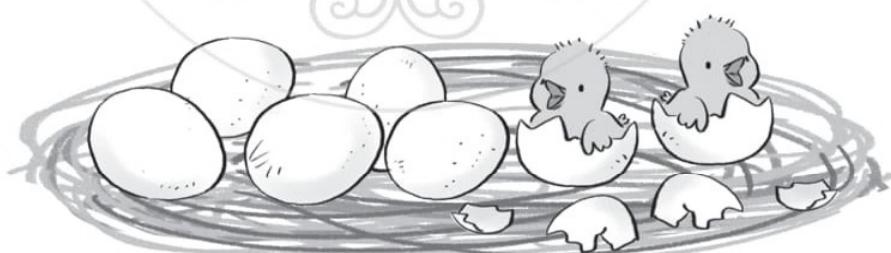
$$\boxed{\phantom{0}} + \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{00}}$$

$$\boxed{\phantom{0}} - \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{00}}$$

$$\boxed{\phantom{0}} - \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{00}}$$

5

Ổ trứng có 7 quả, trong đó 2 quả đã nở. Hỏi trong ổ còn lại mấy quả trứng chưa nở?



Phép tính:

$$\boxed{\phantom{0}} \bigcirc \boxed{\phantom{0}} = \boxed{\phantom{00}}$$

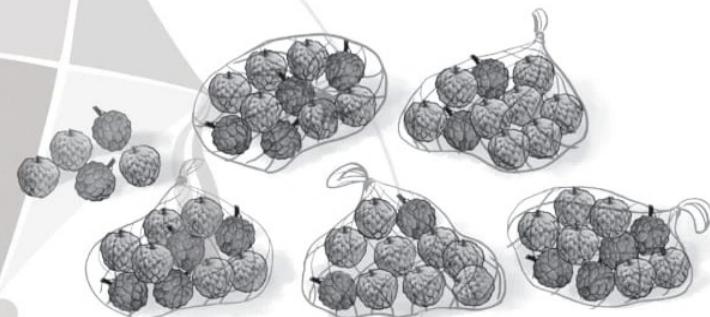
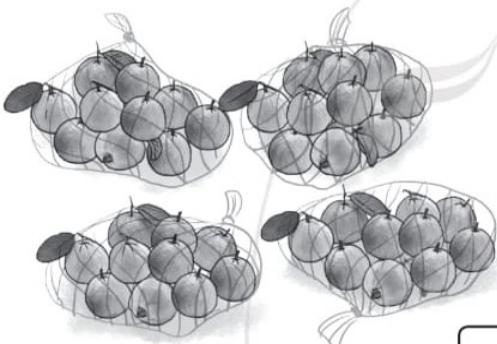
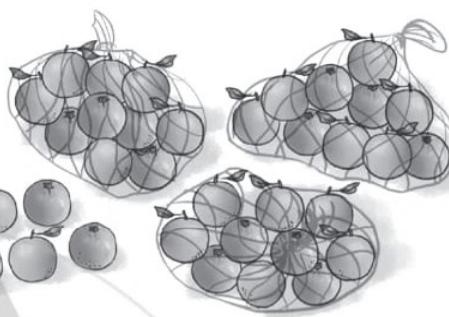
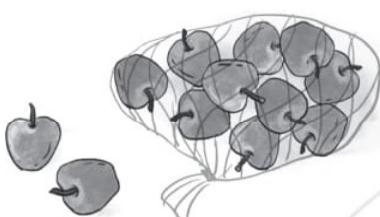
Trả lời: Trong ổ còn lại  $\boxed{\phantom{00}}$  quả trứng chưa nở.

# Bài 73

# ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

1

Số ?



2

a) Viết (theo mẫu):

25: Hai mươi lăm

75: .....

31: .....

80: .....

46: .....

99: .....

64: .....

100: .....

b) Số ?

25 gồm  chục và  đơn vị, ta viết  $25 = \boxed{\phantom{0}} + \boxed{\phantom{0}}$

64 gồm  chục và  đơn vị, ta viết  $64 = \boxed{\phantom{0}} + \boxed{\phantom{0}}$

80 gồm  chục và  đơn vị, ta viết  $80 = \boxed{\phantom{0}} + \boxed{\phantom{0}}$

3

**>**  
**<**  
**=**

$56 \square 8$

$52 \square 57$

$83 \square 83$

$39 \square 44$

$12 \square 12$

$47 \square 67$

$76 \square 23$

$19 \square 82$

$7 \square 75$

4

Viết các số sau:

67

49

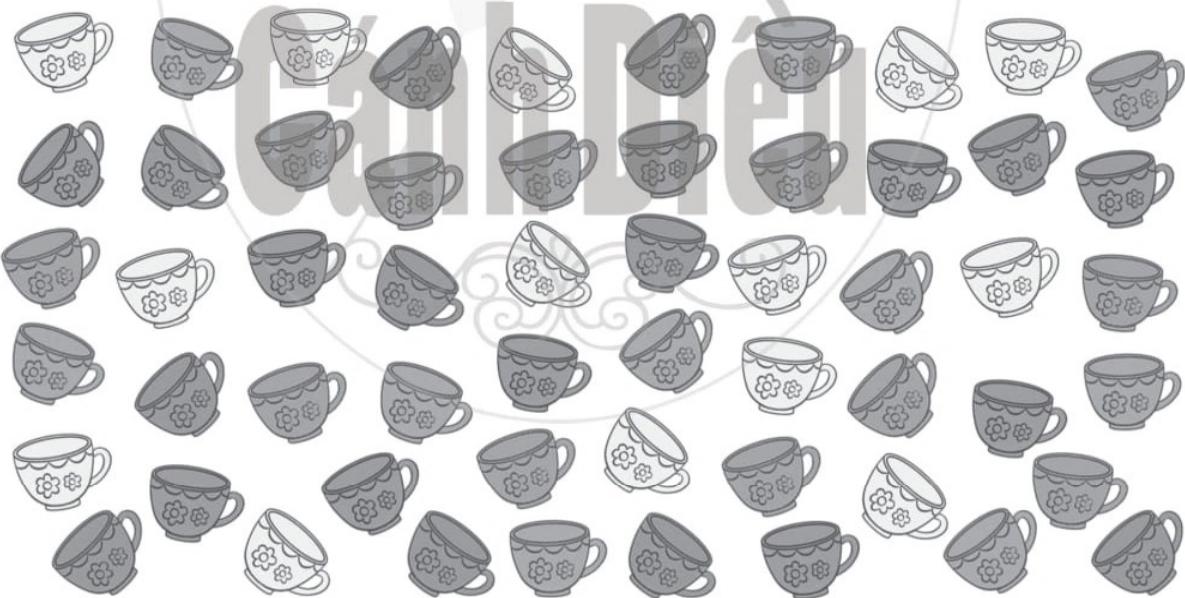
85

38

- a) Theo thứ tự từ bé đến lớn: ..... , ..... , ..... , .....
- b) Theo thứ tự từ lớn đến bé: ..... , ..... , ..... , .....

5

a) Em hãy dự đoán trong hình sau có bao nhiêu chiếc cốc:



Dự đoán: Có khoảng ..... chiếc cốc.

b) Hãy đếm để kiểm tra dự đoán của mình.

Kiểm tra: Có ..... chiếc cốc.

# Bài 74

## ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100

1

Tính:

a)  $14 + 3 = \dots$        $18 - 2 = \dots$        $40 + 50 = \dots$

$76 + 1 = \dots$        $65 - 1 = \dots$        $70 - 40 = \dots$

b)  $30 + 20 + 10 = \dots$        $17 - 7 + 5 = \dots$

$80 - 30 - 20 = \dots$        $12 + 6 - 8 = \dots$

2

Đặt tính rồi tính:

$65 + 24$

.....  
.....  
.....  
.....

$44 + 30$

.....  
.....  
.....  
.....

$42 + 5$

.....  
.....  
.....  
.....

$39 - 12$

.....  
.....  
.....  
.....

$95 - 50$

.....  
.....  
.....  
.....

$78 - 6$

.....  
.....  
.....  
.....

3

Tìm lỗi sai trong mỗi phép tính sau rồi sửa lại cho đúng:

$$\begin{array}{r} 54 \\ - 2 \\ \hline 34 \end{array} \dots$$

$$\begin{array}{r} 46 \\ + 3 \\ \hline 76 \end{array} \dots$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ + 32 \\ \hline 92 \end{array} \dots$$



4

Số ?

$$\begin{array}{r} - 2\square \\ \hline \square 2 \\ \hline 17 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 9\square \\ \hline 2 \\ \hline \square 9 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} - \square 6 \\ \hline 4\square \\ \hline 53 \end{array}$$

5

Chị Mai bẻ được 32 bắp ngô, anh Tuấn bẻ được 47 bắp. Hỏi cả hai anh chị bẻ được bao nhiêu bắp ngô?



**Phép tính:**  $\square \bigcirc \square = \square$

**Trả lời:** Cả hai anh chị bẻ được  $\square$  bắp ngô.

# Bài 75 ÔN TẬP VỀ THỜI GIAN

1

Xem đồng hồ rồi viết giờ thích hợp vào chỗ chấm:

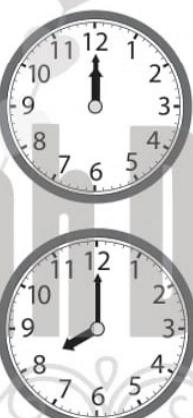


2

Nối đồng hồ thích hợp với mỗi tranh vẽ nói về ngày Chủ nhật của Nam:



Buổi sáng: Nam đến thăm ông bà lúc 8 giờ.



Buổi trưa: Cả nhà ăn cơm lúc 12 giờ.



Buổi chiều: Nam giúp ông chăm sóc cây lúc 4 giờ.



Buổi tối: Nam về nhà lúc 7 giờ.

3

a) Vẽ kim đồng hồ chỉ giờ thích hợp:

Buổi chiều, Mai giúp mẹ nấu cơm lúc 6 giờ.

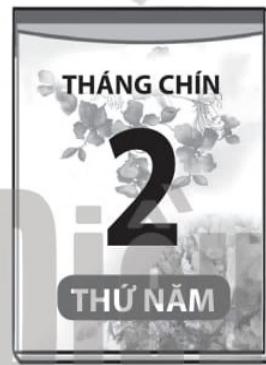


b) Buổi chiều, em thường làm gì lúc 6 giờ?

.....

4

a) Đọc mỗi tờ lịch sau rồi viết tiếp vào chỗ chấm:



– Ngày 2 tháng 9 là thứ .....

– Ngày 8 tháng 3 là thứ .....

– Ngày 19 tháng 5 là thứ .....

– Ngày 10 tháng 10 là .....

b) Nói về những sự kiện mà em biết gắn với các ngày nói trên:

.....

.....

# Bài 76 ÔN TẬP

1

a) Viết các số còn thiếu rồi đọc những số đó:



b) Trong các số trên, số lớn nhất là ...., số bé nhất là ....

2

a) Tính:

$$12 + 4 = \dots$$

$$38 - 3 = \dots$$

$$56 + 10 = \dots$$

$$77 - 10 = \dots$$

b) Đặt tính rồi tính:

$$25 + 31$$

$$64 + 15$$

$$83 - 12$$

$$36 - 21$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

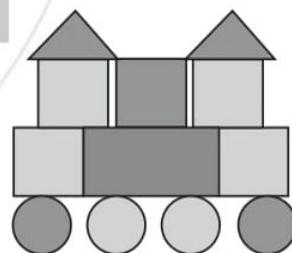
.....

.....

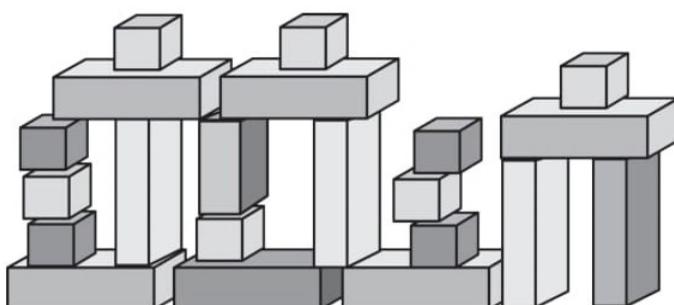
3

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình bên có .... hình vuông,  
.... hình tròn, .... hình tam giác,  
.... hình chữ nhật.



b) Hình sau có .... khối hộp chữ nhật, .... khối lập phương.



4

a) Khánh và Hồng cùng sưu tầm ảnh về các loài chim. Khánh sưu tầm được 30 bức ảnh, Hồng sưu tầm được 35 bức. Hỏi cả hai bạn sưu tầm được bao nhiêu bức ảnh?

**Phép tính:**  +  =

**Trả lời:** Cả hai bạn sưu tầm được  bức ảnh.

b) Trong số các bức ảnh mà Khánh và Hồng sưu tầm được có 13 ảnh đen trắng, còn lại là ảnh màu. Hỏi hai bạn đã sưu tầm được bao nhiêu bức ảnh màu?

**Phép tính:**  -  =

**Trả lời:** Hai bạn sưu tầm được  bức ảnh màu.

5

a) Viết độ dài của mỗi vật vào chỗ chấm:



b) Viết giờ thích hợp vào chỗ chấm:



# MỤC LỤC

Hướng dẫn sử dụng Vở bài tập toán 1.....	3
BÀI 39. Các số 11, 12, 13, 14, 15, 16.....	4
BÀI 40. Các số 17, 18, 19, 20.....	6
BÀI 41. Luyện tập.....	8
BÀI 42. Các số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90.....	10
BÀI 43. Các số có hai chữ số (từ 21 đến 40).....	11
BÀI 44. Các số có hai chữ số (từ 41 đến 70).....	13
BÀI 45. Các số có hai chữ số (từ 71 đến 99).....	15
BÀI 46. Các số đến 100.....	17
BÀI 47. Chục và đơn vị.....	19
BÀI 48. Luyện tập.....	21
BÀI 49. So sánh các số trong phạm vi 100.....	23
BÀI 50. Luyện tập.....	24
BÀI 51. Dài hơn – Ngắn hơn.....	26
BÀI 52. Đo độ dài.....	28
BÀI 53. Xăng-ti-mét.....	30
BÀI 54. Em ôn lại những gì đã học.....	32
BÀI 55. Bài kiểm tra số 3.....	35
BÀI 56. Phép cộng dạng $14 + 3$ .....	37
BÀI 57. Phép trừ dạng $17 - 2$ .....	39
BÀI 58. Luyện tập.....	41
BÀI 59. Cộng, trừ các số tròn chục.....	43
BÀI 60. Phép cộng dạng $25 + 14$ .....	44
BÀI 61. Phép cộng dạng $25 + 4, 25 + 40$ .....	46
BÀI 62. Luyện tập.....	48
BÀI 63. Phép trừ dạng $39 - 15$ .....	50
BÀI 64. Phép trừ dạng $27 - 4, 63 - 40$ .....	52
BÀI 65. Luyện tập.....	54
BÀI 66. Luyện tập chung.....	56
BÀI 67. Các ngày trong tuần lẻ.....	58
BÀI 68. Đồng hồ – Thời gian.....	60
BÀI 69. Em ôn lại những gì đã học.....	62
BÀI 70. Bài kiểm tra số 4.....	65
BÀI 71. Ôn tập các số trong phạm vi 10.....	67
BÀI 72. Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10.....	69
BÀI 73. Ôn tập các số trong phạm vi 100.....	71
BÀI 74. Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100.....	73
BÀI 75. Ôn tập về thời gian.....	75
BÀI 76. Ôn tập.....	77

# NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

**Địa chỉ:** Tầng 6, Toà nhà số 128 đường Xuân Thuỷ, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**Điện thoại:** 024.37547735 | **Fax:** 024.37547911

**Email:** nxb@hnue.edu.vn | **Website:** www.nxbdhsp.edu.vn

## ***Chịu trách nhiệm xuất bản:***

Giám đốc: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

## ***Chịu trách nhiệm nội dung:***

Tổng biên tập: ĐỖ VIỆT HÙNG

## ***Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:***

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

*Biên tập:*

NGUYỄN THỊ NGÂN

*Thiết kế sách:*

TRẦN THỊ THU AN

*Trình bày bìa:*

LƯU CHÍ ĐỒNG

*Sửa bản in:*

LÊ HUY ĐAN

---

*Trong sách có sử dụng tư liệu, hình ảnh của một số tác giả. Trân trọng cảm ơn.*

---

## VỞ BÀI TẬP TOÁN 1 - TẬP HAI

Mã số: .....

ISBN .....

In ..... cuốn, khổ 17 x 24cm, tại .....

Địa chỉ: .....

Số xác nhận đăng ký xuất bản: ...../CXBIPH/...../ĐHSP

Quyết định xuất bản số: ...../QĐ-NXBĐHSP ngày ...../...../.....

In xong và nộp lưu chiểu ..... năm .....

**Mang cuộc sống vào bài học  
Đưa bài học vào cuộc sống**



**BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1  
Cánh Diều**

1. Tiếng Việt 1 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 1
3. Đạo đức 1
4. Tự nhiên và Xã hội 1
5. Giáo dục thể chất 1
6. Âm nhạc 1
7. Mĩ thuật 1
8. Hoạt động trải nghiệm 1

**TÌM ĐỌC**

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 1 (Cánh Diều)  
THEO TỪNG MÔN HỌC



Dùng điện thoại quét mã QR để truy cập trang  
web: <https://canhdieu.monkey.edu.vn>

**TEM CHỐNG GIẢ**

ISBN 978-604-54-8014-4

9 786045 480144